

Số: 24 /BC-HĐND

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc thực hiện “Năm kỷ cương hành chính 2017”, gắn với việc thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các chỉ đạo của Chính phủ, Thành phố về công tác cải cách hành chính

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; Thực hiện, Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND Thành phố, Thường trực HĐND Thành phố đã thành lập Đoàn giám sát của HĐND Thành phố¹ về kết quả thực hiện “Năm kỷ cương hành chính 2017” gắn với việc thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các chỉ đạo của Chính phủ, Thành phố về công tác cải cách hành chính (*sau đây viết tắt là CCHC*).

Mục đích giám sát nhằm đánh giá kết quả đạt được; làm rõ hạn chế, nguyên nhân khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện “Năm kỷ cương hành chính 2017” gắn với việc thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các chỉ đạo của Chính phủ, Thành phố về công tác cải cách hành chính. Thông qua hoạt động giám sát, Thường trực HĐND Thành phố tổng hợp, báo cáo kết quả và đề xuất kiến nghị với Trung ương, Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố các giải pháp tháo gỡ những nội dung còn vướng mắc trong quá trình thực hiện để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện tốt công tác CCHC trên địa bàn Thành phố trong những năm tiếp theo.

Thường trực HĐND Thành phố báo cáo kết quả giám sát cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: VIỆC THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH, KẾ HOẠCH GIÁM SÁT

I. Thường trực HĐND, Đoàn giám sát của HĐND Thành phố

1. Công tác chỉ đạo, điều hành của Thường trực HĐND Thành phố

Trên cơ sở nội dung giám sát theo Nghị quyết của HĐND Thành phố và mục đích, yêu cầu, nội dung giám sát theo quyết định, kế hoạch giám sát, Thường trực HĐND Thành phố đã chỉ đạo Ban Pháp chế phối hợp với các đơn vị liên quan đã tổng hợp, chuẩn bị tài liệu phục vụ Đoàn giám sát. Đồng thời đã chỉ đạo đơn đốc các đơn vị gửi báo cáo đảm bảo thời gian theo quy định.

¹ Theo Quyết định số 15/QĐ-HĐND ngày 10/4/2019 của Thường trực HĐND Thành phố

2. Phương thức, hoạt động giám sát của Đoàn giám sát

Tại kỳ giám sát này, Đoàn đã giám sát thông qua báo cáo của 114 đơn vị thuộc đối tượng giám sát². Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các đơn vị, Thường trực HĐND Thành phố đã lựa chọn các đơn vị giám sát trực tiếp gồm những đơn vị làm tốt, những đơn vị chưa tốt, đơn vị mang tính chất đặc thù, những đơn vị còn khó khăn, hạn chế và vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các nội dung giám sát.

Đồng thời, đợt giám sát này Thường trực HĐND Thành phố tiếp tục có sự đổi mới trong phương thức giám sát: Thứ nhất là tổ chức giám sát tới hoạt động của cấp xã³. Thứ hai là mời các đơn vị thuộc đối tượng giám sát lên làm việc trực tiếp tại Trụ sở HĐND Thành phố. Thứ ba, duy trì sự đổi mới trong hoạt động điều hành tại các buổi giám sát: các đơn vị không trình bày lại báo cáo, chỉ báo cáo những điểm mới, những tồn tại, hạn chế chủ yếu để dành thời gian cho các thành viên Đoàn giám sát trao đổi và đơn vị được giám sát báo cáo giải trình làm rõ.

Tính đến hết ngày 15/5/2019, Đoàn giám sát đã hoàn thành việc giám sát trực tiếp với 14 đơn vị⁴. Các thành viên Đoàn giám sát chấp hành nghiêm túc kế hoạch, lịch giám sát tại các đơn vị, đã chủ động nghiên cứu tài liệu, báo cáo để có những trao đổi sâu với các đối tượng giám sát⁵; các đơn vị liên quan⁶ được mời điều cử lãnh đạo tham dự đầy đủ các buổi giám sát. Các buổi giám sát đã hoàn thành nội dung, chương trình và đạt kết quả tốt, đảm bảo thời gian, hiệu quả và chất lượng làm việc.

II. Việc chấp hành của các đơn vị thuộc đối tượng giám sát

Các đơn vị thuộc đối tượng giám sát đã thực hiện nghiêm túc các nội dung, chương trình làm việc của Đoàn giám sát. Tham dự buổi giám sát đông đủ, đúng thành phần⁷. Báo cáo của các đơn vị cơ bản đã bám sát nội dung, yêu cầu theo đề cương hướng dẫn. Tại các buổi giám sát, qua trao đổi cơ bản đã làm rõ thêm những kết quả thực hiện của đơn vị theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

Tuy nhiên theo tổng hợp, còn một số đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, việc gửi báo cáo còn chậm; một số đơn vị nội dung còn sơ sài và cần phải hoàn chỉnh lại.

(Có Phụ lục số 01 kèm theo)

² Báo cáo của các đơn vị: UBND Thành phố; các sở, ngành chuyên môn; các đơn vị sự nghiệp công lập, các Công ty cung ứng dịch vụ công ích trực thuộc UBND Thành phố; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các Sở: Giáo dục & Đào tạo, Văn hóa & Thể thao; Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; UBND các quận, huyện, thị xã.

³ Đoàn số 01 khảo sát tại phường Lê Lợi thị xã Sơn Tây; Đoàn số 02 khảo sát tại 02 xã Tiên Dược, Phù Linh huyện Sóc Sơn.

⁴ Từ ngày 06/5 đến hết ngày 15/5/2019, Đoàn giám sát đã giám sát trực tiếp đối với 14 đơn vị. Bao gồm: UBND 4 huyện, thị xã: Gia Lâm; Sóc Sơn; Phúc Thọ; Sơn Tây; 3 Sở và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Nông nghiệp & PTNT, Giáo dục & Đào tạo, Văn hóa & Thể thao; 02 Ban QLDA của Thành phố: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường Thành phố; 5 Công ty TNHH MTV ĐTVT thủy lợi: Hà Nội, Mê Linh, sông Nhuệ, sông Đáy, sông Tích.

⁵ Tại mỗi buổi giám sát, trung bình có từ 6-8 thành viên Đoàn giám sát tham gia hỏi và trao đổi.

⁶ Ban Tổ chức Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy, Ủy ban MTTQ Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Tài chính...

⁷ Đối với các huyện, thị xã: đồng chí Bí thư/Phó Bí thư Thường trực, Chủ tịch/Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND, Trưởng các phòng, ban, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn. Đối với các sở, ngành: Giám đốc/Phó Giám đốc, Trưởng các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Các Ban QL, Công ty: Giám đốc/Phó Giám đốc, Trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

PHẦN THỨ HAI: KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các chỉ đạo của Trung ương về tổ chức, bộ máy, biên chế

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Từ đầu nhiệm kỳ 2016 -2021 đến nay, UBND Thành phố, các sở, ngành, đơn vị, các quận, huyện, thị xã trên toàn thành phố đã xác định rõ mục tiêu, quan điểm và quán triệt nghiêm túc việc thực hiện sự chỉ đạo của Nghị quyết số 39-NQ/TW về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các Nghị quyết tại Hội nghị lần thứ 6, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII⁸. Thực hiện các chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ và Thành ủy, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 20/01/2016 rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp toàn Thành phố; thành lập Tiểu ban Chỉ đạo của Thành phố và chỉ đạo ban hành các văn bản để hướng dẫn theo các Nghị định của Chính phủ⁹.

Để tiếp tục cụ thể hóa việc thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII¹⁰, UBND Thành phố đã phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy tham mưu để Ban Thường vụ Thành ủy xây dựng các kế hoạch¹¹ tổ chức thực hiện đồng thời UBND Thành phố cũng đã ban hành nhiều văn bản¹² hướng dẫn các đơn vị trên toàn Thành phố triển khai, thực hiện. Trong đó, cụ thể các giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy và biên chế, đồng thời quán triệt, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả.

Qua giám sát tại các đơn vị cho thấy, lãnh đạo các địa phương, đơn vị đã làm tốt công tác tham mưu để cấp ủy chỉ đạo thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hội nghị quán triệt, tuyên truyền tới cán bộ chủ chốt các phòng, ban và đơn vị trực thuộc. Các hội nghị học tập, quán triệt các chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ và Thành ủy được tổ chức nghiêm túc, đảm bảo chất lượng, tiến độ thời gian.

Trên cơ sở chỉ đạo của Thành ủy và Nghị quyết của HĐND Thành phố hàng năm, UBND Thành phố đã làm tốt công tác chỉ đạo¹³, xác định rõ các nguyên tắc, quy trình trong việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy để làm cơ sở thống nhất thực hiện. Đồng thời chỉ đạo các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã quán triệt thực hiện tốt về nguyên tắc quản lý, sử dụng biên chế hành chính và sự nghiệp của đơn vị.

Hàng năm, các sở, ngành, đơn vị, UBND các quận, huyện, thị xã đã thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng biên chế và xây dựng kế hoạch sử dụng biên chế năm tiếp theo bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ về thực hiện tinh giản biên

⁸ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015.

⁹ Chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành các Văn bản số 2086/SNV-QLSN ngày 11/9/2015 và số 48/SNV-QLSN ngày 08/01/2016 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Triển khai Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

¹⁰ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017.

¹¹ Kế hoạch số 70-KH/TU ngày 25/01/2018; Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 27/01/2018 của Thành ủy.

¹² Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 25/02/2018; Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 26/3/2018; Quyết định số 8586/QĐ-UBND ngày 08/12/2017; Quyết định số 6688/QĐ-UBND ngày 08/12/2018.

¹³ Văn bản số 4667/UBND-SNV ngày 08/8/2016

ché đến năm 2021 trình UBND Thành phố phê duyệt. UBND Thành phố đã làm tốt công tác xây dựng kế hoạch, báo cáo Chính phủ, Bộ Nội vụ và trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết giao chỉ tiêu biên chế đến từng đơn vị để làm căn cứ sử dụng trong năm, bảo đảm số biên chế được sử dụng trong chỉ tiêu, định mức được giao.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy

UBND Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện sắp xếp cơ cấu lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập kịp thời, theo đúng lộ trình, đảm bảo quán triệt thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 39-NQ/TW các Nghị quyết của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Kế hoạch của Thành ủy Hà Nội.

Thường xuyên chỉ đạo rà soát tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp, kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ theo phân cấp của Thành phố, loại bỏ sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ và tăng cường hiệu quả hoạt động của các đơn vị. Kiện toàn bộ máy lãnh đạo và công chức chuyên môn các phòng, ban, đơn vị theo yêu cầu nhiệm vụ; đáp ứng đủ về số lượng theo chỉ tiêu biên chế Thành phố giao và định biên theo phân loại. Các đơn vị chủ động kiểm tra, rà soát quy chế làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, cập nhật quy định mới nhất của Trung ương, Thành phố phù hợp với thực tiễn; tổ chức điều hành công việc theo quy chế đã ban hành; Các phòng, ban của cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp đã xây dựng đề án vị trí việc làm và thực hiện nghiêm túc đề án việc làm được Thành phố phê duyệt; Thường xuyên rà soát, bổ sung đề án vị trí việc làm để phù hợp với yêu cầu công tác, nhất là tại các đơn vị sự nghiệp sau khi sáp nhập, cơ cấu lại. Phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo vị trí việc làm, chức danh đảm nhiệm, đảm bảo “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ quy trình, rõ hiệu quả, thực hiện theo nguyên tắc “một việc - một đầu mối xuyên suốt”.

Đồng thời với việc sắp xếp, quy định lại chức năng, nhiệm vụ, UBND Thành phố tăng cường phân cấp quản lý bằng việc ban hành các Quyết định¹⁴ phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; theo đó đã giảm bớt các thủ tục hành chính về phê duyệt cơ cấu tổ chức, nhân sự, tài chính,... phân cấp tương đối triệt để và giao quyền, trách nhiệm cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ Thành phố giao.

Thực hiện Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, UBND Thành phố đã ban hành các kế hoạch¹⁵ cụ thể, thành lập Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc để triển khai thực hiện. Chỉ đạo các sở, ngành Thành phố tập trung hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm cả quy hoạch về tổ chức bộ máy và quy hoạch về tự chủ tài chính. Đồng thời tiếp tục thực hiện phân loại đơn vị sự nghiệp để thực hiện các hình thức chuyển

¹⁴ Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND và Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017.

¹⁵ Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 30/7/2015, Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 20/5/2016 triển khai thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP; Quyết định số 7305/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 thành lập Ban chỉ đạo Thành phố và Tổ giúp việc để tổ chức triển khai thực hiện.

đổi phù hợp, tiến tới xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công ¹⁶. Trong đó đã xác định mục tiêu, kế hoạch phân đầu vượt chỉ tiêu Nghị quyết ¹⁷, nâng mức tự chủ chi thường xuyên với tổng số 296 đơn vị. Đã báo cáo Chính phủ và thành lập Ban chỉ đạo để thực hiện chuyên 05 đơn vị sự nghiệp công lập ¹⁸ thành công ty cổ phần giai đoạn 2017-2020.

Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với lãnh đạo sở, phòng, ban trực thuộc dời dư sau kiện toàn sắp xếp bộ máy, hoàn thiện vị trí việc làm, bố trí người phù hợp, công tác cán bộ triển khai dân chủ, khách quan; cán bộ sau sắp xếp không còn giữ chức vụ được bảo lưu phụ cấp, được ưu tiên xem xét bổ nhiệm, luân chuyển ở vị trí thích hợp khi có điều kiện. Trong quá trình sắp xếp cơ bản không xảy ra đơn thư, các đơn vị đều sớm ổn định để triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

Kết quả đối với các đơn vị, địa phương cụ thể như sau:

2.1.1. Các sở, ngành chuyên môn Thành phố

**** Kết quả chung***

Hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy 23 Sở và tương đương, sau sắp xếp giảm 01 cơ quan hành chính ngang Sở (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo GPMB), giảm 49 phòng (từ 208 phòng xuống 159 phòng), giảm 29 Trưởng phòng, 120 Phó trưởng phòng và đã ban hành 23 quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Sở và tương đương.

Cùng với việc sắp xếp các cơ quan hành chính, UBND Thành phố đã sắp xếp các đơn vị sự nghiệp tinh gọn ¹⁹, hiệu quả, theo đó: Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở giảm từ 401 đơn vị xuống 280 đơn vị, giảm 121 đơn vị (30,2%). Kiện toàn, sắp xếp 102 Ban chỉ đạo thuộc UBND Thành phố còn 28 Ban chỉ đạo, giảm 74 Ban (72,5%). Phối hợp Ban Tổ chức Thành ủy tham mưu xây dựng Đề án thí điểm mô hình chính quyền đô thị thành phố Hà Nội theo Kết luận số 22-KL/TW ngày 07/11/2017 của Bộ Chính trị ²⁰.

Các Sở chuyên ngành đã chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về sắp xếp tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập tới toàn thể đội ngũ cán bộ quản lý, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành. Tập thể lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức toàn đơn vị nhất trí cao với mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, cơ cấu hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giảm đầu mối, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lặp; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ

¹⁶ Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 19/2/2019 về việc triển khai thực hiện nâng mức tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2021

¹⁷ Theo Nghị quyết số 19-NQ/TW phải đảm bảo 257 đơn vị

¹⁸ Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội - Sở Giao thông vận tải, Trung tâm Đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông Hà Nội - Sở Thông tin và truyền thông, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Hà Nội - Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội - Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Nhà khách UBND Thành phố - Văn phòng UBND Thành phố

¹⁹ Sau sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, tổng số Ban QLDA trên địa bàn Thành phố giảm từ 70 Ban xuống còn 41 Ban (giảm 29 Ban = 41,4%). Kết quả của việc sắp xếp tại tổ chức, bộ máy đối với 05 Ban QLDA thuộc UBND Thành phố trên cơ sở 26 Ban QLDA trước đây: giảm 73/108 phòng với tỷ lệ 67,6%, 177/308 lãnh đạo trưởng phó đơn vị, trưởng phó phòng với tỷ lệ 57,5%; giảm được 7/23 trụ sở làm việc với tỷ lệ 30,4%.

²⁰ Kết luận số 22-KL/TW, ngày 07/11/2017 của Bộ Chính trị về về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011 – 2020.

công chức, viên chức. Từ đó các đơn vị tiến hành tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp một cách đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm với lộ trình rõ ràng, minh bạch, phù hợp với thực tiễn và tiến tới hành động quyết liệt, hiệu quả của các đơn vị, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu. Kế hoạch đề ra đảm bảo bám sát theo các quy định của Trung ương, kế hoạch của Thành ủy và phù hợp với đặc thù của từng ngành, từng đơn vị.

**** Đối với các đơn vị Đoàn giám sát trực tiếp***

(1) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Sở đã thực hiện sắp xếp cơ cấu lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các Chi cục (cơ quan hành chính) và các đơn vị sự nghiệp công lập kịp thời, đảm bảo tinh thần Nghị quyết 39-NQ/TW, và các văn bản chỉ đạo của Thành phố. Sau sắp xếp có 22 đơn vị (5 phòng, 8 Chi cục chuyên ngành, 9 đơn vị sự nghiệp) so với trước giảm 11 đơn vị (3 phòng và 8 đơn vị sự nghiệp). Bộ máy Sở, Chi cục và các Ban quản lý dự án thuộc Sở sau khi sắp xếp lại bộ máy tinh gọn hơn, đã ổn định tổ chức hoạt động hiệu quả, giải quyết thủ tục hành chính, công việc, chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức đảm bảo; phát huy tinh thần đoàn kết nội bộ, không để phát sinh đơn thư, khiếu kiện xảy ra.

(2) Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố:

Đối với các phòng chuyên môn: Đã tiến hành bố trí, sắp xếp lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, giảm số lượng phòng từ 13 phòng xuống còn 9 phòng (theo quy định của Bộ GDĐT, Sở GDĐT có tối đa là 10 phòng). Đối với các đơn vị sự nghiệp đã bàn giao 31 Trung tâm Giáo dục thường xuyên về các quận, huyện, thị xã, bàn giao Ban quản lý của Sở về Ban quản lý tập trung của Thành phố, bàn giao các trường Trung cấp chuyên nghiệp về Sở Lao động Thương Binh & Xã hội, thành lập mới 02 trường Trung học Phổ thông. Đến nay Sở quản lý 122 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở. Qua giám sát cho thấy Sở Giáo dục & Đào tạo đã thực hiện cơ bản tốt việc sắp xếp các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc; đã xây dựng kế hoạch, phối hợp với các quận, huyện thị xã tổ chức sáp nhập 114 đơn vị, hiện đã xong 11 đơn vị; đang thực hiện rà soát và tham mưu để Thành phố xây dựng quy hoạch mạng lưới các trường học trên địa bàn Thành phố đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Đối với mô hình Trường chất lượng cao, các trường trực thuộc Sở thực hiện tự chủ: đã triển khai xây dựng một số cơ sở giáo dục hoạt động theo mô hình trường chất lượng cao, hiện toàn Thành phố có 18 trường đã được công nhận là trường chất lượng cao, đã có 8 trường thực hiện tự chủ chi thường xuyên, ngoài ra còn 2 trường không phải là trường chất lượng cao cũng đã thực hiện tự chủ chi thường xuyên. Đã tổ chức rà soát xây dựng kế hoạch, Đề án và tổ chức việc thực hiện tự chủ tại các đơn vị trực thuộc, chỉ đạo tăng cường nâng mức tự chủ của các đơn vị. Một số Trường trực thuộc Sở đã chủ động trong việc thực hiện tự chủ chi thường xuyên, giảm sự phụ thuộc do ngân sách Thành phố hỗ trợ.

(3) Sở Văn hóa và Thể thao:

Đối với các phòng chuyên môn: Sau sắp xếp còn 09 phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, 16 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc – giảm 01 phòng chuyên môn, 06 đơn vị sự nghiệp trước khi thực hiện rà soát, sắp xếp.

Đối với các đơn vị trực thuộc Sở: Năm 2018, Sở giao quyền tự chủ tài chính cho 16 đơn vị sự nghiệp (trong đó: 02 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, chiếm 12,5%: Nhà hát Múa rối Thăng Long và Trung tâm hoạt động VHKKH Văn Miếu – Quốc Tử Giám và 14 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên). Tính đến năm 2018, Sở Văn hóa & Thể thao không còn đơn vị sự nghiệp do NSNN đảm bảo toàn bộ.

Năm 2019, Sở giao quyền tự chủ cho 16 đơn vị sự nghiệp (trong đó, 03 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, chiếm 18,8%, cụ thể: Nhà hát Múa rối Thăng Long và Trung tâm hoạt động VHKKH Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Ban Quản lý Di tích Nhà tù Hỏa Lò và 13 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên). Sở đã xây dựng kế hoạch, đề án tham mưu, trình UBND Thành phố về việc “Sắp xếp lại, nâng cao năng lực các đơn vị nghệ thuật biểu diễn công lập theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả”.

2.1.2. UBND các huyện, thị xã

UBND Thành phố đã chỉ đạo thống nhất tổ chức 12 phòng chuyên môn tại 30 quận, huyện, thị xã, các đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện giảm từ 206 đơn vị còn 96 đơn vị, giảm 110 đơn vị (53,4%). UBND các quận, huyện, thị xã đã rà soát, điều chỉnh, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp, xây dựng đề án vị trí việc làm của các đơn vị và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án theo đúng quy định. Một số kết quả chính là:

(1) Ban hành Quyết định về việc thí điểm thành lập Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị quận trực thuộc cấp huyện trên cơ sở tiếp nhận Đội Thanh tra xây dựng thuộc Sở xây dựng (theo Quyết định số 3406/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của UBND Thành phố thí điểm thành lập Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã tại thành phố Hà Nội).

(2) Thành lập Trung tâm Phát triển Quỹ đất trên cơ sở sáp nhập Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng và Chi nhánh Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; sáp nhập Trung tâm Thể dục thể thao, Đài Phát thanh, Nhà Văn hóa thành lập Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao; sáp nhập Ban Quản lý dự án và Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng. Bàn giao Trung tâm dân số KHHGD về Sở Y tế.

Qua báo cáo cho thấy, các đơn vị đã tổ chức thực hiện tốt việc kiện toàn, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp này thông qua việc xây dựng đề án sáp nhập theo chỉ đạo của Thành phố. Đồng thời, đã rà soát để kiện toàn lại đội ngũ lãnh đạo các đơn vị, sau sắp xếp đến nay, cơ bản đã đảm bảo theo chỉ đạo về số lượng cấp phó của các đơn vị, đều yên tâm công tác không có tâm tư, đồng thời thực hiện nghiêm các cơ chế chính sách cho các đồng chí lãnh đạo dôi dư sau sắp xếp.

(3) Giảm các Ban chỉ đạo trực thuộc cấp huyện, các phòng ban, thực hiện việc kiêm nhiệm các chức danh cấp xã (*chuyên trách và không chuyên trách*).

(4) Đối với các đơn vị giám sát trực tiếp: Qua giám sát đã thể hiện huyện Gia Lâm là đơn vị đã thực hiện tổ chức thí điểm việc kiêm nhiệm các chức danh cấp xã để giảm số lượng cán bộ chuyên trách, người hoạt không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện. Việc thực hiện thí điểm này của huyện

Gia Lâm từ năm 2017 và trước khi có kế hoạch và chỉ đạo của Thành ủy. Việc thực hiện tại huyện Gia Lâm được thí điểm tại 04 xã và triển khai thực hiện bài bản, nghiêm túc, tạo được sự đồng thuận trong việc sắp xếp, kiện toàn và kiêm nhiệm các chức danh. Qua đánh giá ban đầu kết quả thực hiện bước đầu rất tốt và tạo tính lan tỏa trong tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Qua đó đã tạo sự tinh gọn về tổ chức bộ máy, đồng thời đã nghiên cứu và có những biện pháp phù hợp để tăng mức hỗ trợ, thu nhập cho đối tượng các đồng chí thực hiện kiêm nhiệm các chức danh.

2.1.3. Đối với các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc UBND Thành phố Đoàn giám sát trực tiếp

(1) Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường Thành phố:

Được thành lập từ đầu năm 2017 trên cơ sở hợp nhất từ 03 Ban quản lý; ban đầu có 07 phòng chuyên môn, đến tháng 5/2017 đã tiến hành cơ cấu, sắp xếp lại thành 06 phòng chuyên môn. Đến nay hoạt động của Ban đã dần ổn định, thực hiện tốt các nhiệm vụ được UBND Thành phố giao. Qua báo cáo của các đơn vị cho thấy, từ vị trí là các Ban QLDA trực thuộc Sở lên Ban QLDA trực thuộc Thành phố đã tạo sự chủ động cho Ban QLDA với vai trò là chủ đầu tư, việc phối hợp với các quận, huyện được chặt chẽ hơn; việc quyết định giải quyết ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các dự án được thực hiện chủ động hơn, góp phần đẩy nhanh tiến độ các dự án do Thành phố giao. Việc thực hiện cơ chế tự chủ chi thường xuyên cơ bản được đảm bảo.

(2) Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông Thành phố:

Được thành lập từ năm 2017 và đã hoàn thành việc sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy của Ban trên cơ sở hợp nhất 7 Ban QLDA cũ, việc thực hiện đã giảm bớt được số lượng Ban, thu gọn đầu mối các phòng ban chuyên môn, cơ cấu lãnh đạo Ban và lãnh đạo các phòng chuyên môn. Đã giảm 24 lãnh đạo Ban từ 29 lãnh đạo (07 Giám đốc, 22 Phó Giám đốc) xuống còn 05 lãnh đạo (1 Giám đốc, 4 Phó Giám đốc). Giảm 40 phòng từ 48 xuống còn 08 phòng chuyên môn. Giảm 77 lãnh đạo phòng từ 109 xuống còn 32 lãnh đạo phòng.

Theo báo cáo của Ban thể hiện việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo mô hình mới sau khi sáp nhập, hợp nhất các Ban QLDA cũ đã tạo hiệu quả hoạt động tốt hơn so với mô hình cũ thể hiện các nội dung: nâng cao chất lượng và được sự chủ động, tính chuyên nghiệp trong quản lý các dự án; đội ngũ cán bộ được tập trung và có tính chuyên nghiệp, năng lực cao trong lĩnh vực các dự án giao thông; rút ngắn được thời gian thực hiện các bước quy trình thực hiện dự án...

(3) 05 Công ty thủy lợi²¹:

Cơ bản đã sắp xếp, cơ cấu lại đảm bảo tiến độ theo đúng chỉ đạo tại các văn bản của Trung ương, Thành phố. Hoạt động theo đơn đặt hàng, áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá do UBND Thành phố phê duyệt.

²¹ Các Công ty: TNHH một thành viên Đầu tư phát triển thủy lợi Hà Nội; TNHH một thành viên Đầu tư phát triển thủy lợi Mê Linh; TNHH một thành viên Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ; TNHH một thành viên Đầu tư phát triển thủy lợi sông Đáy; TNHH một thành viên Thủy lợi sông Tích

Bộ máy của các đơn vị doanh nghiệp đều sắp xếp lại từ 5 phòng xuống còn 4 phòng, giảm 01 phòng; có đơn vị sáp nhập một số xí nghiệp. Từ ngày 02/5/2019, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển thủy lợi Mê Linh sáp nhập vào Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển thủy lợi Hà Nội. Bộ máy hoạt động sau sắp xếp tinh gọn; mô hình tổ chức theo hướng: tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; mô hình hoạt động được thống nhất (mỗi Công ty đều có: 4 phòng và các xí nghiệp; xí nghiệp cơ bản giữ nguyên); Hiện các đơn vị hoạt động ổn định.

2.2. Công tác quản lý, sử dụng biên chế và thực hiện chính sách tinh giản biên chế

2.2.1. Công tác quản lý, sử dụng biên chế

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, UBND Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc thực hiện biên chế được giao theo Nghị quyết của HĐND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp Thành phố theo Quyết định giao chỉ tiêu của UBND Thành phố. Cơ bản, việc thực hiện biên chế của các đơn vị đều thấp hơn so với số được giao theo Nghị quyết của HĐND Thành phố. *(Có các Phụ lục số 02,03,04 kèm theo)*

Trên cơ sở khối lượng công việc ngày càng nhiều đòi hỏi phải có đủ nhân sự để giúp cho cơ quan chuyên môn hoàn thành các chỉ tiêu được Thành phố giao hàng năm, một số đơn vị đã chủ động tuyển dụng các chỉ tiêu nằm trong biên chế để kịp thời đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ được giao²², bên cạnh đó đã thực hiện rà soát, đăng ký các chỉ tiêu thi viên chức đối với khối giáo dục để đảm bảo công tác giảng dạy và từng bước giải quyết các vướng mắc liên quan đến lực lượng giáo viên hợp đồng.

Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Quyết định số 3814-QĐ/TU ngày 16/5/2018 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về Quy định khung tiêu chí đánh giá hàng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội; các đơn vị quận, huyện đã chủ động ban hành quyết định, hướng dẫn quy định chi tiết một số nội dung đánh giá, xếp loại hàng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tại cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND phường, xã, thị trấn thuộc quận, huyện, thị xã.

Qua giám sát cho thấy, việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hàng tháng bước đầu được thực hiện đúng quy trình, khắc phục hiện tượng nê nang, hình thức trong đánh giá; phát huy tinh thần thẳng thắn, tự phê bình và phê bình trong đánh giá. Đồng thời, yêu cầu các cơ quan, đơn vị phải chỉ đạo CBCCVC xây dựng kế hoạch công tác theo lịch từng tuần, từng tháng, từng quý, phân công rõ người, rõ việc, rõ tiến độ. Theo đó, kết quả thực hiện nhiệm vụ của CBCCVC đã tạo sự chuyển biến về ý thức, trách nhiệm của CBCCVC nâng cao năng suất, hiệu quả công việc, bước đầu khắc phục được tình trạng cào bằng trong đánh giá xếp loại, phân định được những cá nhân tận tụy trách nhiệm để nêu gương,

²² Gia Lâm đã tuyển dụng được 11 công chức tại các phòng chuyên môn (không qua thi tuyển), đăng ký tuyển dụng 10 công chức hành chính, 08 công chức cấp xã (xét tuyển), năm 2019 đăng ký thi tuyển 33 công chức cấp xã, khối giáo dục là 542 chỉ tiêu (mầm non: 76, tiểu học: 246, THCS: 220); Sóc Sơn tiếp nhận 09 viên chức có 05 năm kinh nghiệm trở lên vào công chức huyện, 02 công chức huyện được tuyển dụng mới, tuyển dụng 05 công chức cấp xã và tiếp nhận 18 công chức nguồn làm việc tại các xã, thị trấn.

đồng thời giúp mỗi CBCCVC nhận ra các hạn chế yếu kém để khắc phục kịp thời nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân và nghiệp vụ công tác chuyên môn.

Đã chủ động ban hành quyết định, xây dựng các kế hoạch tiến hành tổ chức kiểm tra công vụ đối với các phòng, ban chuyên môn, UBND các phường, xã, thị trấn về việc thực hiện 02 Bộ quy tắc ứng xử của UBND Thành phố đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gắn với việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính với Luật cán bộ, công chức; các quy định về những điều cán bộ công chức, viên chức không được làm. Theo đó, từng CBCCVC luôn nhận thức sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, có trách nhiệm, đầy đủ các quy định của cơ quan về kỷ luật, kỷ cương hành chính; sử dụng đúng và có hiệu quả giờ làm việc; luôn chấp hành nội quy, quy chế làm việc của cơ quan; đeo thẻ trong khi làm việc, trang phục công sở lịch sự, trong giao tiếp và ứng xử với nhân dân, cán bộ, công chức luôn có thái độ lịch sự, tôn trọng, nhã nhặn lắng nghe ý kiến, giải thích, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể theo quy định.

Đồng thời, qua công tác kiểm tra đã kịp thời phát hiện các sai phạm trong việc thực hiện Bộ quy tắc ứng xử, kỷ luật, kỷ cương hành chính và kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị xử lý sau thanh tra trong công tác quản lý sử dụng đất đai, trật tự xây dựng, đã bị xử lý kỷ luật theo quy định ²³.

2.2.2. Việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Hàng năm, UBND Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị đã nghiêm túc xây dựng kế hoạch thực hiện và triển khai xây dựng Đề án tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ giai đoạn 2015-2021. Theo đó, trong các năm 2016, 2017, 2018 đã thực hiện việc tinh giản biên chế đối với các phòng ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP theo nhiều hình thức nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc của đơn vị. Kết quả từ năm 2016 đến tháng 4 năm 2019, toàn Thành phố đã phê duyệt danh sách và kinh phí tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP được 17 đợt cho 851 người ²⁴. Tại các đơn vị được giám sát trực tiếp, việc thực hiện chính sách tin giản biên chế cơ bản được thực hiện theo kế hoạch, chỉ tiêu được giao ²⁵.

Theo báo cáo của UBND Thành phố, đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện sáp nhập, Thành phố đã thực hiện cắt giảm biên chế sau sắp xếp được 668 biên chế. Một số địa phương, đơn vị thực hiện tinh giản biên chế ²⁶ đã dựa trên cơ sở dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy, không bố trí được công việc phù hợp và một số trường hợp do đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ, không bố trí được công việc khác phù hợp.

²³ Số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị xử lý kỷ luật là 53 người.

²⁴ Trong đó: nghỉ hưu trước tuổi 805 người, thôi việc ngay 46 người, với tổng số kinh phí là 83,861 tỷ đồng.

²⁵ Kết quả của các đơn vị được giám sát: huyện Gia Lâm tinh giản 22 biên chế (9 công chức, 01 hợp đồng theo NĐ 68, 12 viên chức); huyện Sóc Sơn tinh giản 12 biên chế theo diện cán bộ không đủ tuổi tái cử; huyện Phúc Thọ tinh giản 24 biên chế; thị xã Sơn Tây tinh giản 18 biên chế (9 công chức, 9 viên chức); Sở Nông nghiệp & PTNT tinh giản 6 biên chế; Sở Giáo dục & Đào tạo tinh giản 27 biên chế (11 công chức, 16 viên chức); Sở Văn hóa & Thể thao tinh giản được 18 biên chế (4 công chức, 14 viên chức).

²⁶ Sóc Sơn, Gia Lâm, một số Ban QLDA của Thành phố

3. Hạn chế, nguyên nhân

3.1. Hạn chế

3.1.1. Về công tác kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy

(1) Việc sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ, trên cơ sở Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003, nay đã được thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 không còn phù hợp về mặt cơ sở pháp lý.

(2) Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII như: sắp xếp trường cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm bảo trợ xã hội; các trạm chăn nuôi và thú y, trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật, trạm khuyến nông, cấp huyện; sắp xếp các cơ quan báo chí... còn chưa đạt tiến độ đề ra.

Việc thực hiện cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp, chuyển đổi công ty cổ phần của Thành phố tiến độ còn chậm, khó đạt chỉ tiêu 10% của Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

(3) Một số đơn vị sự nghiệp công lập chưa hoàn thành, hoặc hoàn thành chậm trong công tác sắp xếp tổ chức bộ máy. Cụ thể là: Sở Nông nghiệp & PTNT theo Quyết định 28/QĐ-UBND của UBND Thành phố, đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp chưa được Thành phố phê duyệt. Một số đơn vị thực hiện sắp xếp chậm như Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi: Hà Nội và Mê Linh theo quyết định số 2157/QĐ-UBND của UBND Thành phố. Việc chuyển đổi các Phòng công chứng sang mô hình Văn phòng công chứng của Sở Tư pháp theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 04/02/2016 của UBND Thành phố chưa thực hiện được.

(4) Công tác quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập trong toàn Thành phố gặp khó khăn do tình trạng di dân cơ học ngày càng tăng, không đồng đều, tập trung vào các khu vực quận nội thành và những quận, huyện ven đô.

Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Trung ương còn thiếu các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ để làm căn cứ triển khai sắp xếp các cơ đưa ra ngoài công lập hoặc thực hiện cơ chế tự chủ. Việc thực hiện cơ chế tự chủ của các trường trực thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo chưa có sự thống nhất. Người đứng đầu, viên chức tại một số đơn vị còn tâm lý, tư duy bao cấp, còn phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ của ngân sách Thành phố.

(5) Công tác kiện toàn, sắp xếp tổ chức, bộ máy của một số đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm, bước đầu còn chưa phù hợp với thực tế yêu cầu công việc dẫn đến có nơi phải điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc thông qua điều chỉnh phân công công việc cụ thể.

3.1.2. Về công tác quản lý, sử dụng biên chế

(1) Công tác thi tuyển công chức, viên chức từ 2016 đến hết 2018 còn chậm, dẫn đến chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ tại một số đơn vị.

(2) Vẫn còn cán bộ hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn tại các phòng, ban của cơ quan hành chính²⁷; một số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động năng lực còn hạn chế, không đảm bảo chất lượng của công việc. Chưa giải quyết được vấn đề sử dụng viên chức thực hiện nhiệm vụ công chức tại các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT. Tại một số đơn vị²⁸ còn vướng mắc liên quan đến hợp đồng giáo viên tại các trường.

(3) Tình trạng sử dụng biên chế ở một số đơn vị sự nghiệp sau sát nhập đang cao hơn số được giao và việc sử dụng hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn vẫn chưa được thực hiện theo đúng Nghị quyết số 17/NQ-HĐND. Việc thực hiện chế độ chính sách cho một số cán bộ, công chức, viên chức còn chậm²⁹.

(4) Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của một số bộ phận của một số đơn vị chất lượng còn chưa cao, còn biểu hiện nể nang, ngại va chạm, chưa thực sự gắn với công tác khen thưởng, kỷ luật. Việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm còn chưa đồng đều, vẫn còn có công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ ở một số đơn vị nên chất lượng công việc còn bị hạn chế. Có trường hợp viên chức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng khó khăn trong công tác xử lý³⁰.

3.1.3. Về thực hiện chính sách tinh giản biên chế

(1) Việc thực hiện tinh giản biên chế tại các đơn vị có nơi, có lúc chưa đồng đều. Số biên chế được tinh giản chưa cao, nhất là tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Một số đối tượng đặc thù (lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, biểu diễn, thể dục thể thao...) muốn thực hiện tinh giản nhưng chưa có quy định cụ thể.

(2) Đối tượng tinh giản biên chế chủ yếu vẫn là đối tượng sắp nghỉ hưu. Việc tinh giản biên chế đối với đối tượng dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy mà không còn vị trí phù hợp hoặc đối tượng sau kết quả đánh giá hàng năm không hoàn thành nhiệm vụ, không đảm bảo năng lực để bố trí công việc khác số lượng rất ít.

3.1.4. Khó khăn vướng mắc cụ thể của các đơn vị, mô hình tổ chức bộ máy Đoàn giám sát trực tiếp

Cụ thể tại Phụ lục số 06 kèm theo báo cáo.

3.2. Nguyên nhân

3.2.1. Nguyên nhân khách quan

(1) Việc thực hiện sắp xếp các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp chưa có hướng dẫn cụ thể hoặc còn phải chờ văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, điều chỉnh bổ sung³¹.

²⁷ Quốc Oai, Sóc Sơn, Tây Hồ, Hoàn Kiếm, Phú Xuyên...

²⁸ Sóc Sơn, Thanh Oai, Đông Anh, Sơn Tây...

²⁹ Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp & PTNT, thị xã Sơn Tây

³⁰ Theo báo cáo của Ban QLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường TP

³¹ Cụ thể như: Việc sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc Sở Lao động – Thương binh và xã hội; sắp xếp các Trạm thuộc các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thành Trung tâm Dịch vụ phát triển nông nghiệp trực thuộc UBND quận huyện thị xã ... Việc sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ không còn phù hợp.

(2) Khối lượng công việc ngày càng tăng lên, trong khi đó biên chế cắt giảm đi cũng gây áp lực không nhỏ đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở các đơn vị đã ảnh hưởng một phần đến công việc được giao.

3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

(1) Công tác tuyên truyền về các quy định pháp luật về việc sắp xếp tổ chức bộ máy, các quy định về tinh giản biên chế ... còn một số hạn chế, hình thức tuyên truyền chưa phong phú.

(2) Vẫn còn cán bộ, công chức, viên chức thậm chí cả ở lãnh đạo cấp sở, ngành, phòng, ban ở một số đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 17/12/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các chỉ đạo của Chính phủ, Thành phố dẫn đến kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế, chuyển đổi, sắp xếp về tổ chức bộ máy tại một số đơn vị hiệu quả còn hạn chế.

(3) Việc thực hiện hướng dẫn về tự chủ tài chính và tự chủ về bộ máy, biên chế của một số đơn vị sự nghiệp còn lúng túng do chưa chủ động rà soát, xây dựng kế hoạch cụ thể. Việc thực hiện tiết kiệm chi để tăng thu nhập cho người lao động chưa hiệu quả dẫn đến chưa động viên, tạo sự gắn bó của cán bộ, viên chức, người lao động với đơn vị.

4. Kiến nghị với UBND Thành phố

4.1. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, bộ máy của các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn Thành phố. Trong đó tập trung vào việc nghiên cứu, hoàn thiện, xây dựng tổ chức, bộ máy cơ quan hành chính các cấp và tham mưu để Thành ủy chỉ đạo thực hiện Đề án thí điểm mô hình chính quyền đô thị theo Kết luận số 22-KL/TW ngày 07/11/2017 và Kết luận số 46-KL/TW ngày 19/4/2019 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội.

Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện triển khai các mô hình thí điểm thực hiện theo các Kế hoạch, Đề án của Thành ủy. Thường xuyên rà soát đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị để điều chỉnh phù hợp với các quy định pháp luật mới cũng như phù hợp với tình hình thực tiễn của các địa phương, đơn vị.

4.2. Tập trung tham mưu để Thành ủy, HĐND Thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; Nghị quyết 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021; thực hiện việc sắp xếp lại thôn, tổ dân phố và các cơ chế, chính sách cho các đối tượng cán bộ không chuyên trách tại thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

4.3. Đẩy mạnh thực hiện việc chuyển các đơn vị sự nghiệp sang cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và sang mô hình công ty

cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương. Giải quyết kịp thời các hạn chế, khó khăn và vướng mắc của các đơn vị sự nghiệp trong quá trình thực hiện cơ chế tự chủ và chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp, xây dựng cơ chế, định mức khoán chi thường xuyên phù hợp với điều kiện, tình hình của Thành phố theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị Trung ương 7 khóa XII; đổi mới phương thức, nâng cao hoạt động quản lý của các đơn vị sự nghiệp công lập trong hoạt động cung ứng dịch vụ công.

Chỉ đạo các sở chuyên môn của Thành phố chủ động rà quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo lĩnh vực; tham mưu để UBND Thành phố tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ chuyên ngành.

4.4. Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng biên chế. Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh phân cấp về tổ chức, bộ máy, quản lý sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp của Thành phố để phù hợp với tình hình thực tiễn và báo cáo Chính phủ, Bộ Nội vụ những cơ chế, chính sách tạo điều kiện để Thành phố được chủ động, linh hoạt và thực hiện có hiệu quả công tác trên.

Đồng thời tiếp tục quán triệt, chỉ đạo các sở, ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của HĐND Thành phố trong việc sử dụng biên chế được giao. Việc giao chỉ tiêu biên chế cho các sở, ngành, quận, huyện thị xã đảm bảo nguyên tắc theo khối lượng công việc, mức độ đô thị hóa từng địa phương cho phù hợp. Tổ chức bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đúng khung năng lực theo đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt.

Khắc phục ngay những hạn chế nêu trong kết quả giám sát, đồng thời kiến nghị với Chính phủ và các Bộ ngành liên quan để giải quyết dứt điểm những tồn tại liên quan đến biên chế viên chức tại Sở Nông nghiệp & PTNT, lực lượng thanh tra xây dựng tại Sở Xây dựng, các tồn tại liên quan đến lực lượng giáo viên hợp đồng tại một số đơn vị.

4.5. Chỉ đạo rà soát, xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế của từng địa phương, đơn vị để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và các Nghị định của Chính phủ. Đồng thời tiếp tục nghiên cứu, tham mưu để HĐND Thành phố có các cơ chế đặc thù khuyến khích việc tinh giản biên chế. Tiếp tục xác định việc tinh giản biên chế phải do sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức, bộ máy và gắn với công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

II. Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, chủ đề công tác năm 2017 “Năm Kỷ cương hành chính” và công tác cải cách hành chính

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ và Thành ủy về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước các cấp, nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực, hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức và cơ quan hành chính Nhà nước,

UBND Thành phố đã ban hành Chỉ thị, Kế hoạch ³² để tổ chức triển khai thực hiện tốt trên địa bàn Thành phố với chủ đề công tác năm 2017 là “Năm kỷ cương hành chính”.

Đặc biệt, trong năm 2017, UBND Thành phố đã xây dựng, ban hành được Bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức người lao động trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội ³³. Thành phố là địa phương đầu tiên trong cả nước ban hành được bộ quy tắc này, thể hiện được sự quyết tâm, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị Thành phố trong việc nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần và chất lượng phục vụ nhân dân nhằm tạo nên một nền hành chính hiệu quả, vì dân.

Năm 2018 đã được Ban Thường vụ Thành ủy xác định chủ đề công tác “Năm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị 2018”, UBND Thành phố cũng đã tập trung xây dựng kế hoạch ³⁴ để triển khai thực hiện, trong đó đã xác định 07 nội dung trọng tâm để thực hiện. Đồng thời, để tiếp tục làm tốt công tác siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội, UBND Thành phố đã ban hành Chỉ thị ³⁵, trong đó giao trách nhiệm cụ thể cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và tới cán bộ, công chức, viên chức, người lao động toàn Thành phố để triển khai thực hiện có hiệu quả.

Thực hiện Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2016-2020 của Chính phủ; Chương trình số 08-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo bước chuyển biến mạnh về kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm, chất lượng phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020”, UBND Thành phố đã ban hành đồng bộ, hệ thống các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác CCHC và các nhiệm vụ trọng tâm của Thành phố giai đoạn 2016-2020 và các năm tiếp theo. Đối với từng nội dung CCHC, Thành phố đặt ra những chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể; chỉ rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, người đứng đầu các Sở, cơ quan ngang Sở, UBND các quận, huyện, thị xã. Căn cứ chỉ đạo³⁶ của UBND Thành phố, các Sở, cơ quan ngang Sở, UBND các quận, huyện, thị xã đã chủ động xây dựng, ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2016-2020 và hàng năm của cơ quan, đơn vị. Công tác chỉ đạo, điều hành của Thành phố có nhiều đổi mới tích cực, theo hướng rõ người, rõ việc, rõ hiệu quả, một người, một việc, một đầu mối xuyên suốt.

2. Kết quả cụ thể

2.1. Việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính

³² Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 03/02/2017 về việc tổ chức thực hiện “Năm kỷ cương hành chính 2017”; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 20/3/2017 về việc “Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính”.

³³ Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND Thành phố

³⁴ Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 26/02/2018 về triển khai thực hiện “Năm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị 2018”

³⁵ Chỉ thị số 06-CT/UBND ngày 16/4/2018 của UBND Thành phố về tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội năm 2018.

³⁶ Chỉ thị số 07/CT-UBND về việc nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân đến kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/11/2018 về việc nâng cao chất lượng giải quyết TTHC trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; tích cực triển khai Nghị quyết số 36a/NQ-CP của Chính phủ về xây dựng chính quyền điện tử; chỉ đạo sắp xếp tổ chức bộ máy, rà soát tiết kiệm chi ngân sách, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong điều hành, quản lý và cung ứng dịch vụ công (DVC).

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy và Kế hoạch của UBND Thành phố, các đơn vị đã có các văn bản hướng dẫn, kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung trọng tâm như:

Tổ chức triển khai và yêu cầu công chức, viên chức, người lao động thực hiện có hiệu quả chủ đề năm công tác; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới lề lối, phong cách làm việc, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực trong thi hành công vụ của công chức, viên chức³⁷. Kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được quán triệt, chỉ đạo quyết liệt, triển khai tới từng cán bộ, công chức, viên chức, tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ở các cơ quan, đơn vị. Các cấp chính quyền của Thành phố đã xử lý kịp thời, nghiêm khắc, có tính chất răn đe đối với hành vi vi phạm kỷ cương hành chính của một số cán bộ, công chức, viên chức; được dư luận đồng tình, tác động mạnh mẽ đến nhận thức, hành động và thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô. Qua thanh tra, kiểm tra công vụ không có trường hợp nào phát hiện vi phạm về giờ giấc làm việc, sử dụng xe biển xanh đi lễ hội.

Tổ chức thực hiện việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy tắc ứng xử ở cơ quan, nơi công cộng với phương châm “lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ”; Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, gây nhiễu, phiền hà trong giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành theo phương châm 5 rõ: “rõ người, rõ việc, rõ quy trình, rõ trách nhiệm và hiệu quả”, “một việc, một đầu mối xuyên suốt”.

Thường xuyên đôn đốc, giám sát việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện nghiêm túc việc xử lý trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm liên đới đối với người đứng đầu tổ chức, đơn vị để xảy ra vi phạm³⁸.

UBND Thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm các Kết luận thanh tra công vụ, kiểm tra công vụ, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền của Trung ương và của Thành phố. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có khuyết điểm, sai phạm, tùy theo tính chất, mức độ đều bị kiểm điểm, xử lý theo quy định. Trong năm 2018, toàn Thành phố đã xử lý đối với tổng số 277 công chức, viên chức có hành vi vi phạm chính sách, pháp luật, vi phạm quy tắc ứng xử, gồm: 45 công chức (*kiến trách 33 trường hợp (trong đó 13 trường hợp vi phạm chính sách dân số), cảnh cáo 8 trường hợp, giáng chức 01 trường hợp, buộc thôi việc 01 trường hợp, chuyển cơ quan tiền hành tố tụng, xem xét, xử lý về hình sự đối với 02 trường hợp*); 232 viên chức (*kiến trách 199 trường hợp (trong đó 132 trường hợp vi phạm chính sách dân số), cảnh cáo 23 trường hợp, cách chức 04 trường hợp, buộc thôi việc 06 trường hợp*).

³⁷ UBND Thành phố đã ban hành đồng bộ, hệ thống các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác CCHC và các nhiệm vụ trọng tâm của Thành phố giai đoạn 2016-2020 và các năm. Đối với từng nội dung CCHC, Thành phố đặt ra những chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể; chỉ rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, người đứng đầu các Sở, cơ quan ngang Sở, UBND các quận, huyện, thị xã. Căn cứ Kế hoạch của UBND Thành phố, các Sở, cơ quan ngang Sở, UBND các quận, huyện, thị xã đã chủ động xây dựng, ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2016-2020 và hàng năm của cơ quan, đơn vị.

³⁸ Thành phố đã chỉ đạo Sở Nội vụ kiểm tra công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư đối với 02 đơn vị; kiểm tra công tác nội vụ đối với 20 đơn vị; kiểm tra công vụ đột xuất đối với 87 đơn vị; kiểm tra xác minh đối với 24 vụ việc.

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao thuộc thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định. Các văn bản đều được xử lý, chỉ đạo giải quyết kịp thời, đáp ứng yêu cầu; hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn hoặc trước hạn.

2.2. Về công tác CCHC

Cải cách hành chính của Thành phố đã được đẩy mạnh, đồng bộ giữa cải cách thủ tục và cải cách bộ máy, thể chế; kỷ cương hành chính được củng cố, chất lượng thực thi pháp luật được nâng cao.

Chỉ số cải cách hành chính của UBND Thành phố từ năm 2016 đến nay đã có chuyển biến tốt³⁹. Đã chỉ đạo quyết liệt trong cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả quản trị hành chính; các chỉ số hiệu quả quản lý hành chính công; tổ chức đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số CCHC của Thành phố và các sở, ngành, quận huyện, thị xã. Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI) từng bước được cải thiện.

Thực hiện Chương trình số 08-CTr/TU của Thành ủy, hằng năm, UBND Thành phố đều xây dựng kế hoạch công tác cải cách hành chính của Thành phố theo quy định. Đồng thời chỉ đạo các sở, ngành, các đơn vị, UBND các cấp thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Đã ban hành kế hoạch, tổ chức rà soát, hệ thống hóa và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn. Các văn bản QPPL được ban hành đảm bảo đúng quy trình, phù hợp với thực tiễn; qua kiểm tra, rà soát phát hiện văn bản ban hành từ lâu không còn phù hợp và kịp thời hủy bỏ, đồng thời thay thế để đảm bảo tính khả thi thực hiện CCHC⁴⁰. Các văn bản ban hành đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phát huy vai trò là công cụ quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Thủ đô. Đặc biệt, Thành phố chú trọng cải cách thể chế lĩnh vực kinh tế nhằm tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, công bằng, thân thiện, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

UBND Thành phố đã chỉ đạo thực hiện nghiêm quy chế làm việc, công khai nội quy, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan hành chính và quy tắc ứng xử nơi công cộng tại trụ sở UBND quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn. Đồng thời các cơ quan, đơn vị, UBND các cấp Thành phố đã quán triệt, yêu cầu CBCCVC, người lao động trong các cơ quan, đơn vị ký cam kết thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Cải cách TTHC tiếp tục được đẩy mạnh toàn diện và xác định là khâu đột phá. Hà Nội là địa phương đầu tiên ban hành được quy định về việc thực hiện cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Việc thực hiện hỗ trợ đăng ký kinh doanh qua mạng đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Thủ đô phát triển. Từ năm 2016, Thành phố đã ban hành 24 Quyết định công bố

³⁹ Xếp hạng chỉ số cải cách hành chính năm 2016 xếp thứ 3, năm 2017 xếp thứ 2 và năm 2018 giữ vững ở vị trí thứ 2 trên bảng xếp hạng 63 tỉnh, thành phố.

⁴⁰ Từ năm 2016, Thành phố đã tiến hành rà soát 418 VBQPPL (76 Nghị quyết, 342 Quyết định); ban hành danh mục 227 VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế để phù hợp với quy định của các luật mới có hiệu lực trong đó tập trung ở nhóm văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Sở, ban, ngành Thành phố, lĩnh vực tài chính, phí, lệ phí, xây dựng,...; 101 văn bản cần bãi bỏ; 44 văn bản hết hiệu lực thi hành. Tiến hành cập nhật 1.991 VBQPPL còn hiệu lực vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trong đó có 1.500 VBQPPL do HĐND, UBND Thành phố ban hành từ năm 1998.

TTHC⁴¹, trong đó có 153 TTHC mới ban hành, 344 TTHC sửa đổi, bổ sung và 12 TTHC bị hủy bỏ, bãi bỏ. Các TTHC sau khi công bố được công khai 100% theo quy định, cập nhật đầy đủ lên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Đồng thời chỉ đạo quy định niêm yết công khai, minh bạch các thông tin về TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cấp quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn. Các TTHC cơ bản được rút gọn, thời gian giải quyết ngắn hơn đảm bảo cho người dân thuận tiện hơn trong việc giao dịch làm các TTHC; tổ chức tiếp nhận và triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính theo chỉ đạo của Thành phố, mang lại sự hài lòng ngày càng cao cho người dân, tổ chức. Thành phố ban hành hệ thống các văn bản tiếp tục duy trì, triển khai hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp⁴². Các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố chủ động triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông với nhiều mô hình, sáng kiến, cách làm hay được nhân rộng⁴³.

Cải cách thể chế và cải cách TTHC tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, tập trung vào các giải pháp tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện hết mức cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ đầu tư; đồng thời cải thiện mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp trong các giao dịch hành chính, dịch vụ hành chính công.

Các chỉ số đánh giá năm 2018 của Thành phố đã có sự cải thiện, tiến bộ đáng kể, như: chỉ số CCHC (PARINDEX) tiếp tục xếp thứ hạng rất cao, (xếp thứ 2/63 tỉnh, thành phố); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng 4 bậc so với năm 2017, tăng 42 bậc so với năm 2012; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của chính quyền (SIPAS) tăng 16 bậc so với năm 2017; Chỉ số công nghiệp CNTT-Vietnam IT Industry Index 2018 được trung ương đánh giá cao.

Tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu quả thực thi pháp luật và sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành ở tất cả các ngành, các cấp. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tiếp tục được quan tâm nâng cao. Đã thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hàng tháng gắn với công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và bổ nhiệm cán bộ.

Công tác hiện đại hóa nền hành chính công tiếp tục được Thành phố quan tâm đầu tư nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp của bộ máy hành chính của các cán bộ, công chức. Theo đánh giá các chỉ số cải cách hành chính năm 2018, Hà Nội là đơn vị xếp hạng 1/63 đối với chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin được triển khai đồng bộ⁴⁴. Triển

⁴¹ trên các lĩnh vực: Xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, công thương, tài nguyên môi trường, quy hoạch kiến trúc, du lịch, y tế, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, giao thông vận tải,...

⁴² Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 08/3/2016; Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 28/02/2017; Kế hoạch số 68/KH-UBND; Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 07/5/2018.

⁴³ UBND quận Long Biên, UBND quận Thanh Xuân, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Cục Thuế Hà Nội, Công an thành phố Hà Nội, Cục Hải quan Hà Nội...

⁴⁴ Hoàn thành kết nối mạng diện rộng (WAN) tới các sở, ban, ngành, 30 UBND quận, huyện, thị xã và 584 UBND xã, phường, thị trấn. Duy trì kết nối mạng diện rộng tới các xã, phường, thị trấn, đồng thời triển khai Cổng dịch vụ công trực tuyến dùng chung cung cấp các dịch vụ công mức 3, 4 trên một nền tảng thống nhất, đồng bộ tại 30 quận, huyện, 584 xã, phường, thị trấn và hệ thống một cửa điện tử dùng chung 3 cấp tại 100% các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã và UBND các xã, phường, thị trấn.

khai thực hiện việc áp dụng các Tiêu chuẩn quốc gia, điện tử hóa các quy trình xử lý công việc để giải quyết các TTHC trên hệ thống phần mềm một cửa liên thông dùng chung của Thành phố.

3. Hạn chế, vướng mắc, khó khăn và nguyên nhân

3.1. Hạn chế, vướng mắc, khó khăn

(1) Tuy chỉ số cải cách hành chính -PAR INDEX của Thành phố đứng ở vị trí thứ 2 trong 2 năm liên tiếp nhưng còn một số chỉ số thành phần vẫn còn xếp ở nhóm có thứ hạng thấp, một số chỉ số thành phần năm 2018 so với năm 2017 có dấu hiệu giảm trong bảng xếp hạng ⁴⁵. (Có Phụ lục số 05 kèm theo)

- Chỉ số hiệu quả và quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của Thành phố đang đứng ở vị trí thấp. Tổng số điểm chỉ số PAPI năm 2018 của Hà Nội đạt 42,32/80 điểm ⁴⁶. Điểm tổng hợp chỉ số PAPI năm 2017 của Hà Nội đạt 34,63 điểm (6 chỉ số nội dung). So với PAPI năm 2017, PAPI năm 2018 của Hà Nội vẫn nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có điểm tổng hợp thấp.

- Đối với chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI còn 5 chỉ số thành phần đạt thấp là: Gia nhập thị trường; Tiếp cận đất đai; Tính minh bạch và tiếp cận thông tin ⁴⁷; Môi trường cạnh tranh bình đẳng; Tính năng động, tiên phong của chính quyền Thành phố.

(2) Công tác tham mưu để HĐND, UBND Thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật một số lĩnh vực còn chậm. Một số đơn vị còn chưa chủ động, lúng túng trong quá trình rà soát, tham mưu.

(3) Việc xây dựng quy trình nội bộ còn chưa có giải pháp hữu hiệu để kiểm soát, đánh giá việc thực hiện các quy trình tại các đơn vị; công tác kiểm tra, giám sát của một số đơn vị chưa thường xuyên.

(4) Cơ chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông ở một số lĩnh vực cụ thể còn hạn chế, chưa phát huy hiệu quả, còn tình trạng chậm, muộn trong giải quyết hồ sơ liên thông. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại một số cơ quan đơn vị còn chưa đảm bảo quy trình, thời gian, còn hiện tượng phát sinh thêm các giấy tờ ngoài quy định, việc hướng dẫn thực hiện các quy định, thủ tục hành chính chưa đúng dẫn đến bức xúc cho người dân, doanh nghiệp còn xảy ra ở một số địa phương, đơn vị.

(5) Việc giải quyết TTHC ở một số ngành, lĩnh vực, đơn vị còn chậm; công tác kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, giải quyết TTHC còn hạn chế, đặc biệt là khu vực các xã ngoại thành; hệ thống sổ sách, giấy tờ theo dõi việc thụ lý và giải quyết TTHC ở một số đơn vị chưa tốt. Trụ sở, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác tại bộ phận một cửa một số

⁴⁵ Chỉ số tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KTXH năm 2018 xếp hạng 36; so với năm 2017, các chỉ số của năm 2018: chỉ số cải cách hành chính giảm 10 bậc từ xếp hạng 10 xuống hạng 20; Cải cách hành chính công giảm 14 bậc từ xếp hạng 6 xuống hạng 20

⁴⁶ Trong đó, chỉ số "tham gia của người dân ở cấp cơ sở" đạt 5,22/10 điểm; chỉ số "công khai minh bạch" đạt 5,09/10 điểm; chỉ số "trách nhiệm giải trình" đạt 4,61/10 điểm; chỉ số "kiểm soát tham nhũng trong khu vực công" đạt 6,08/10 điểm; chỉ số "thủ tục hành chính công" đạt 7,5/10 điểm; chỉ số "cung ứng dịch vụ công" đạt 6,93/10 điểm; chỉ số "quản trị môi trường" đạt 3,58/10 điểm; chỉ số "quản trị điện tử" đạt 3,32/10 điểm.

⁴⁷ Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin lần lượt từ các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018 là: 6,28; 6,14; 6,06; 6,31; 5,83

xã, thị trấn ⁴⁸ chưa đồng đều dẫn đến việc kết nối liên thông chưa thực sự thông suốt.

(6) Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tại một số đơn vị hiệu quả chưa cao; đồng thời mức độ tuân thủ quy trình ISO sau khi công bố chưa cao.

(7) Việc tổ chức triển khai công tác thanh tra, kiểm tra công vụ tại một số cơ quan, đơn vị mặc dù đã được quan tâm quán triệt, triển khai thực hiện nhưng chưa duy trì thường xuyên, hiệu quả có lúc còn chưa cao; công tác tiếp công dân ở một số nơi còn chưa được quan tâm đúng mức, lãnh đạo cấp trưởng chưa trực tiếp tiếp công dân, chưa niềm yết lịch tiếp dân cụ thể, việc cử người trực tiếp dân chưa đầy đủ, địa điểm tiếp công dân chưa bố trí hợp lý, thuận tiện, phòng tiếp dân chung phòng làm việc chuyên môn, sổ sách ghi chép về tiếp dân chưa đầy đủ.

Kết quả công tác kiểm tra việc thi hành công vụ và việc thực hiện Bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có địa phương, đơn vị còn nêu chung chung, chưa rõ việc xử lý sau khi kiểm tra, các kết luận thanh tra còn mang tính hình thức và chưa chỉ ra được các sai phạm cần phải khắc phục.

(8) Một số đơn vị còn chưa thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức bộ phận “một cửa” cấp huyện, cấp xã để nâng cao chất lượng công việc; chưa tuyên truyền sâu rộng về Bộ Quy tắc ứng xử; chưa nghiên cứu đối với việc sắp xếp theo vị trí việc làm, vị trí chức danh và tổ chức kiểm tra, sát hạch đánh giá năng lực cán bộ diện Ban Thường vụ thuộc cấp uỷ quản lý.

(9) Hoạt động giám sát của HĐND một số quận, huyện và cấp xã về lĩnh vực kỷ luật, kỷ cương hành chính và công tác cải cách hành chính chưa sâu, còn mang tính hình thức.

3.2. Nguyên nhân

3.2.1. Nguyên nhân khách quan

(1) Các quy định pháp luật của cơ quan Trung ương, Thành phố còn thiếu tính ổn định, thường xuyên thay đổi, thiếu đồng bộ nên còn gặp khó khăn cho tổ chức thực hiện trong việc giải quyết hồ sơ, thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến quyền lợi của tổ chức, công dân.

(2) Các chế độ chính sách đãi ngộ còn thấp, chưa đảm bảo phù hợp với thực tế cho cán bộ, công chức, viên chức có tâm huyết, trách nhiệm hơn trong thực thi nhiệm vụ, công vụ cũng như gắn bó với công việc được lâu dài.

3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

(1) Công tác tuyên truyền về việc thực hiện cải cách hành chính, tuyên truyền về kết quả cải cách hành chính còn hạn chế, hình thức tuyên truyền chưa phong phú, tại một số nơi người dân, tổ chức, doanh nghiệp còn chưa hiểu hết được về công tác cải cách hành chính của Thành phố

⁴⁸ Khảo sát thực tế tại xã Tiên Dược, Phù Linh – huyện Sóc Sơn và theo báo cáo của các quận, huyện, thị xã

(2) Trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức thậm chí cả ở lãnh đạo cấp sở, ngành, phòng, ban ở một số đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về “Năm kỷ cương hành chính 2017”, các chỉ đạo của Chính phủ, Thành phố về công tác cải cách hành chính, dẫn đến kết quả thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính và cải cách hành chính tại một số địa phương, đơn vị còn hạn chế; chưa thực sự coi công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá của cấp ủy Đảng; còn hiện tượng đùn đẩy, né tránh công việc, thái độ phục vụ nhân dân đôi lúc còn chưa tốt.

(3) Công tác chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị có lúc còn chưa sâu sát, quyết liệt; trong quá trình phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị để giải quyết thủ tục hành chính liên thông có việc chưa được nhịp nhàng, thiếu tính đồng bộ, chưa tập trung tham mưu đề UBND Thành phố có các giải pháp để xử lý các khó khăn, vướng mắc.

(4) Việc thực hiện kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy, chính quyền, đặc biệt là việc kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn của cơ quan cấp trên chưa thường xuyên, sâu sát và toàn diện. Sự tham gia của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong việc thực hiện một số dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3,4 còn ít nên kết quả còn hạn chế.

(5) Một số cuộc thanh tra công vụ do Thanh tra nhà nước và Thanh tra chuyên ngành các sở, ban hành thực hiện đối với một số vụ việc phức tạp còn bị chậm tiến độ theo quy định. Một số cơ quan, đơn vị địa phương có lúc còn chưa kịp thời tổ chức được các cuộc thanh tra, kiểm tra đối với các tổ chức, đơn vị, lĩnh vực thuộc quyền quản lý, nhất là trong công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng..., do đó còn chưa kịp thời phát hiện, ngăn chặn được một số vụ việc vi phạm ngay từ khi mới phát sinh.

4. Kiến nghị với UBND Thành phố

4.1. Xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của Thành phố. Rà soát, tập trung chỉ đạo các đơn vị thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu theo Chương trình số 08-CTr/TU của Thành ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo bước chuyển mạnh về kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm, chất lượng phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 – 2020.

4.2. Tiếp tục xây dựng các kế hoạch để tăng thứ tự xếp hạng đối với các chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chỉ số quản trị hành chính công của Thành phố. Trong đó tập trung làm rõ nguyên nhân các chỉ số thành phần đạt thấp, đề ra các giải pháp, kế hoạch cụ thể để khắc phục. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hơn bộ tiêu chí đánh giá cải cách hành chính đối với các sở, ngành, các quận, huyện, thị xã, đồng thời công bố công khai kết quả đánh giá công tác cải cách hành chính làm cơ sở đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động của các địa phương, đơn vị.

4.3. Chỉ đạo các sở, ngành chuyên môn tiếp tục rà soát, tham mưu đề Thành phố hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo tính thống nhất trong công tác quản lý, điều hành của Thành phố.

Tăng cường rà soát lại các quy định pháp luật, các quy định của Thành phố trong việc thực hiện các TTHC để điều chỉnh, chuẩn hóa, xóa bỏ các hồ sơ, quy trình dư thừa, đơn giản hóa các TTHC và đăng tải công khai theo quy định. Tiếp tục triển khai xây dựng các mô hình, sáng kiến và nhân rộng việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

4.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước và phục vụ cho công tác cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố theo chỉ đạo của Thành ủy cũng như thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của HĐND Thành phố về việc điều chỉnh nội dung Nghị quyết số 05/2015/NQ-HĐND về Chương trình mục tiêu Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020. Tập trung hoàn thành Trung tâm điều hành thông minh của Thành phố để từng bước hình thành Thành phố thông minh, Chính quyền điện tử Thành phố.

Đẩy mạnh việc đưa ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Công thông tin dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu đến năm 2020, Thành phố có 100% TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3,4.

4.5. Tiếp tục làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức Thành phố đáp ứng yêu cầu. Quán triệt thực hiện nghiêm Quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan Thành phố; đổi mới phương thức và lề lối làm việc. Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng tháng tiếp tục đổi mới, thực chất, hiệu quả hơn, gắn với công tác khen thưởng, kỷ luật, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

4.6. Nghiên cứu các cơ chế, chính sách để tăng thu nhập cho người lao động, đồng thời nghiên cứu, tham mưu để Thành ủy, HĐND Thành phố có các cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút người tài vào làm việc tại các cơ quan Thành phố.

Đổi mới hình thức thi tuyển, tuyển dụng công chức, viên chức. Nghiên cứu việc thí điểm tổ chức thi tuyển đối với các chức danh trưởng, phó phòng tại các cơ quan hành chính của Thành phố và cấp huyện.

4.7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật cũng như chế độ công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Thành phố. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra công vụ tại các đơn vị. Tăng cường vị trí, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các địa phương, đơn vị trong công tác cải cách hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

PHẦN THỨ BA: KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA ĐOÀN GIÁM SÁT

I. Đối với Trung ương

1. Đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1.1. Đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong quá trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật xem xét và có các quy định để thành phố Hà Nội có những cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện tốt vai trò là Thủ đô của cả nước; đồng thời tạo điều kiện để Hà Nội tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án thí điểm mô hình chính quyền đô thị theo Kết luận số 22-KL/TW ngày 07/11/2017 và mới đây nhất là Kết luận số 46-KL/TW ngày

19/4/2019 về Đề án thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội. Cụ thể là:

1.2. Xem xét sửa đổi Luật Thủ đô theo hướng tăng thẩm quyền, tự chủ cho Thành phố. Sau 05 năm triển khai, nhiều nội dung trong Luật Thủ đô còn vướng mắc, khó khăn, chưa phát huy hiệu quả khi thực hiện, nhất là trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, quy hoạch, xây dựng cơ bản, tuyển dụng, đào tạo, thu hút nhân tài, tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức viên chức, mô hình tổ chức... Qua thực tiễn, cơ bản Luật Thủ đô hiện nay chưa phát huy được vai trò pháp lý đặc biệt quan trọng về cơ chế, chính sách đặc thù để Thủ đô có thể phát huy đầy đủ tiềm năng vốn có.

(3) Khi sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, xem xét bổ sung quy định tạo điều kiện cho Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị đảm bảo đúng tinh thần được quy định tại Khoản, 2 Điều 111, Hiến pháp năm 2013 “Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị.”

2. Đề nghị Chính phủ

2.1. Xem xét sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Đặc biệt, sửa đổi quy định tổ chức bộ máy, cơ cấu lãnh đạo phải trên cơ sở phân loại đơn vị hành chính theo Điều 3 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, trong đó Hà Nội được phân loại là đô thị hạng đặc biệt.

2.2. Chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan tập trung và sớm ban hành các hướng dẫn liên quan đến tổ chức, bộ máy các đơn vị chuyên ngành thuộc thẩm quyền của các Bộ, đặc biệt là về quy hoạch mạng lưới, vị trí, chức năng của các đơn vị sự nghiệp công lập. Hiện nay còn rất nhiều sở, ngành của Thành phố còn lúng túng do chưa có hướng dẫn cụ thể.

3. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương

Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương sớm xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về khung năng lực vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực. Có chính sách cụ thể, hợp lý trong việc giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ dôi dư, luân chuyển, điều động khi thực hiện đề án vị trí việc làm. Nghiên cứu, có các cơ chế, chính sách để phân cấp, phân quyền cho UBND Thành phố về việc điều chỉnh vị trí việc làm, tạo sự chủ động cho cơ sở. Đồng thời xây dựng khung pháp lý để kiểm soát khi phân quyền cho các đơn vị sự nghiệp tự chủ 100% tự phê duyệt đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc.

II. Đối với Thành phố

1. Đề nghị Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy

1.1. Trên cơ sở đánh giá kết quả đạt được, tiếp tục tăng cường lãnh đạo và có những giải pháp cụ thể để tháo gỡ các hạn chế, khó khăn, vướng mắc của các địa phương, đơn vị trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cũng như trong công tác quản lý, sử dụng biên chế.

2.2. Tiếp tục quán triệt nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý về tổ chức bộ máy và biên chế trong toàn hệ thống chính trị, chỉ đạo cấp ủy các cấp tập trung rà soát kết quả thực hiện, trên cơ sở đó đẩy mạnh tuyên truyền và xây dựng các kế hoạch, giải pháp cụ thể để đẩy mạnh việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết 39-NQ/TW, các Nghị quyết của Trung ương về công tác kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và các giải pháp, mục tiêu, chỉ tiêu trong các Chương trình, Kế hoạch của Thành ủy thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương. Đồng thời cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện và gắn kết quả kiểm tra, giám sát với trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu các cấp trong quá trình triển khai thực hiện công tác trên.

2. Đề nghị HĐND Thành phố

2.1. Trên cơ sở kết quả giám sát này, đề nghị HĐND Thành phố xem xét thông qua Nghị quyết về kết quả giám sát về việc thực hiện “Năm kỷ cương hành chính 2017”, gắn với việc thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các chỉ đạo của Chính phủ, Thành phố về công tác cải cách hành chính.

2.2. Đồng thời giao Thường trực HĐND tiếp tục chỉ đạo, điều hòa hoạt động giám sát của Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu HĐND Thành phố đối với các nội dung giám sát trên, trong đó chú trọng giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐND Thành phố và các cơ chế, chính sách của Thành phố trong các lĩnh vực tổ chức, bộ máy, quản lý sử dụng biên chế và công tác cải cách hành chính của Thành phố.

3. Đề nghị UBND Thành phố chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã

3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các Nghị quyết của Hội nghị lần thứ sáu, lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Đổi mới hình thức, nâng cao chất lượng hiệu quả của công tác tuyên truyền, trong đó cần tiếp tục tuyên truyền các kết quả đạt được của Thành phố trong việc thực hiện sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn về tổ chức bộ máy, kết quả công tác cải cách hành chính... để tạo được sự đồng tình, ủng hộ của cán bộ, đảng viên, cử tri, nhân dân Thủ đô.

3.2. Chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị trực thuộc và UBND các quận, huyện, thị xã rà soát lại toàn bộ kết quả thực hiện đối với các nội dung giám sát của HĐND Thành phố, trên cơ sở đó chủ động xây dựng các giải pháp cụ thể để khắc phục các tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện. Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ngành, đơn vị và các quận, huyện, thị xã để tập trung thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu theo Chương trình, Kế hoạch của Thành ủy cũng như các Chương trình, Kế hoạch, Đề án của UBND Thành phố.

3.3. Xem xét giải quyết kiến nghị của các sở, ngành, đơn vị và UBND các quận, huyện, thị xã (*Có Phụ lục số 07, 08 kèm theo*). Xây dựng báo cáo giải trình của UBND Thành phố với HĐND Thành phố tại kỳ họp giữa năm đối với các nội dung còn hạn chế, khó khăn, những nguyên nhân, trách nhiệm thuộc phần chủ

quan của Thành phố; đề xuất với HĐND Thành phố các giải pháp để tổ chức triển khai thực hiện khắc phục các tồn tại, hạn chế nêu trong báo cáo kết quả giám sát.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội Thành phố

Phối hợp với chính quyền Thành phố trong công tác tuyên truyền, quán triệt các Nghị quyết của Trung ương, các văn bản pháp luật của Chính phủ, các chương trình, kế hoạch, đề án của Thành ủy, nghị quyết của HĐND, các chương trình, kế hoạch của UBND Thành phố để thực hiện công tác kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và công tác cải cách hành chính của Thành phố. Tuyên truyền để đoàn viên, hội viên và nhân dân Thủ đô về kết quả, sự nỗ lực, cố gắng của chính quyền Thành phố trong công tác cải cách hành chính; đồng thời tiếp tục thực hiện phản biện xã hội, tham gia xây dựng các cơ chế, chính sách của Thành phố để tạo sự đồng thuận trong cử tri và nhân dân chung tay góp sức xây dựng Thành phố văn minh, hiện đại.

5. Đề nghị HĐND các quận, huyện, thị xã

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Thành phố và các Chương trình, Kế hoạch, Đề án của các Quận/Huyện/Thị ủy để xây dựng kế hoạch, tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, công tác quản lý sử dụng biên chế, công tác cải cách hành chính của các cơ quan nhà nước của địa phương mình. Kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và có kiến nghị với Thành phố, Trung ương.

Trên đây là báo cáo giám sát của Thường trực HĐND Thành phố về kết quả thực hiện “Năm kỷ cương hành chính 2017”, gắn với việc thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các chỉ đạo của Chính phủ về công tác cải cách hành chính./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/cáo)
- Thường trực Thành ủy (để b/cáo);
- TT HĐND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ Thành phố;
- UBND Thành phố;
- Thành viên Đoàn giám sát HĐND TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy; Các Ban HĐND TP;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT, BPC.

**TM. THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phụ lục số 01



TỔNG HỢP

Các đơn vị chậm thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo Quyết định, Kế hoạch của Đoàn giám sát HĐND Thành phố
(Kèm theo Báo cáo số 24 /BC-HĐND ngày 28/6/2019 của Thường trực HĐND Thành phố)

TT	Đơn vị	Các đơn vị nộp báo cáo chậm (Hạn nộp trước ngày 25/4/2019)	Chưa gửi bản chính thức	Ghi chú
I	Khối quận, huyện			
1	Bắc Từ Liêm		x	
2	Hà Đông	26/4	x	
3	Hai Bà Trưng	26/4	x	
4	Long Biên	26/4	x	
5	Nam Từ Liêm	26/4	x	
6	Tây Hồ	9/5		
7	Thanh Xuân	24/4	x	
8	Chương Mỹ	26/4	x	
9	Thanh Oai		x	
10	Ứng Hòa		x	
11	Mỹ Đức	26/4	x	
12	Phú Xuyên	26/4	x	
13	Thường Tín	26/4	x	

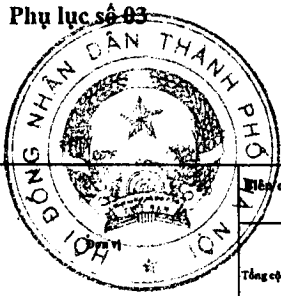
TT	Đơn vị	Các đơn vị nộp báo cáo chậm (Hạn nộp trước ngày 25/4/2019)	Chưa gửi bản chính thức	Ghi chú
14	Thanh Trì	26/4	x	
15	Đông Anh	26/4	x	
16	Hoài Đức		x	
17	Đan Phượng		x	
18	Quốc Oai	21/5	x	
19	Sơn Tây	6/5		
II	Khối Sở ngành			
1	Sở Công Thương	10/5	x	
2	Sở Du lịch	2/5	x	
3	Sở Y tế	26/4		
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	26/4		
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	26/4		
6	Sở Ngoại vụ		x	



KẾT QUẢ THỰC HIỆN BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH, BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP THÀNH PHỐ TỪ ĐẦU NHIỆM KỲ 2016-2021 ĐẾN NAY

(Kèm theo Báo cáo số 24 /BC-HĐND ngày 28 /6/2019 của Thường trực HĐND Thành phố)

	TÊN ĐƠN VỊ	NĂM 2016		NĂM 2017		NĂM 2018		So sánh số tăng giảm từ năm 2016 đến hết năm 2018		Ghi chú
		Số được giao	Số có mặt	Số được giao	Số có mặt	Số được giao	Số có mặt	Số được giao	Số có mặt	
I	BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH	11 033	10 090	10 897	9 887	10 653	9 005	- 380	- 1 085	
1	Công chức	9 259	8 537	9 103	8 243	8 877	7 528	- 382	- 1 009	
2	LĐHĐ theo nghị định 68/2000/NĐ-CP	1 354	1 141	1 369	1 232	1 350	1 069	- 4	- 72	
3	LĐHĐ theo định mức	412	412	412	412	412	408		- 4	
4	Dự phòng	8		13		14		6		
II	BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP	154 776	135 314	156 740	134 341	148 822	124 466	- 5 954	- 10 848	
1	Viên chức	133 745	118 865	134 853	116 427	127 457	106 684	- 6 288	- 12 181	
2	LĐHĐ theo nghị định 68/2000/NĐ-CP	12 519	9 993	12 705	10 468	11 568	10 243	- 951	250	
3	LĐHĐ theo định mức	8 464	6 456	8 912	7 446	9 321	7 539	857	1 083	
4	Dự phòng	48		270		476				

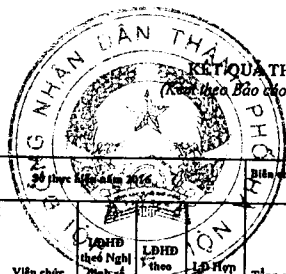


KẾT QUẢ THỰC HIỆN BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH TRÊN TOÀN THÀNH PHỐ
(Kèm theo Báo cáo số 24 /BC-HĐND ngày 28/6/2019 của Thường trực HĐND Thành phố)

STT		Biên chế được giao năm 2016 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2016				Biên chế được giao năm 2017 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2017				Biên chế được giao năm 2018 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2018				So sánh số biên chế được giao từ năm 2016 đến hết năm 2018			
		Tổng cộng	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng số	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng số	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng số	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Tổng cộng toàn Thành phố (1+2)	11 033	9 267	1 354	412	10 598	8 537	1 141	412	10 897	9 116	1 369	412	10 707	8 243	1 232	412	10 661	8 891	1 358	412	9 481	7 528	1 069	408	- 372	- 376	4	
1	Tổng cộng công chức	11 025	9 259	1 354	412	10 598	8 537	1 141	412	10 884	9 103	1 369	412	10 707	8 243	1 232	412	10 639	8 877	1 350	412	9 481	7 528	1 069	408	- 386	- 382	- 4	
-	Khối Sở ngành	6 657	5 400	845	412	6 431	4 819	692	412	5 125	4 153	785	187	4 852	3 730	686	187	4 991	4 034	770	187	4 057	3 087	596	187	- 1 666	- 1 366	- 75	- 225
-	Khối chính quyền quận, huyện, thị xã	4 368	3 859	509		4 167	3 718	449		5 759	4 950	584	225	5 855	4 513	546	225	5 648	4 843	580	225	5 424	4 441	473	221	1 280	984	71	225
2	Biên chế dự phòng	8	8							13	13							22	14	8					14	6	8		
1	Khối Sở ngành	6 657	5 400	845	412	6 431	4 819	692	412	5 125	4 153	785	187	4 852	3 730	686	187	4 991	4 034	770	187	4 057	3 087	596	187	- 1 666	- 1 366	- 75	- 225
1	Văn phòng UBND Thành phố	192	141	51		183	132	48		193	139	54		190	135	52		207	153	54		209	152	54		15	12	3	
2	Văn phòng HĐND Thành phố	75	59	16		52	38	14		67	53	14		58	44	14		66	52	14		58	44	14	0	- 9	- 7	- 2	
3	Sở Thông tin và Truyền thông	89	76	13		77	70	7		88	75	13		74	67	7		86	73	13		70	64	6	0	- 3	- 3		
4	Sở Nội vụ	176	135	41		152	124	28		174	133	41		143	114	29		171	130	41		138	108	30		- 5	- 5		
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	819	638	181		790	607	174		809	628	181		765	585	178		792	611	181		739	561	177		- 27	- 27		
6	Sở Công Thương	826	723	103		784	665	90		815	712	103		768	668	94		796	693	103		139	125	14		- 30	- 30		
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	185	168	17		178	161	17		182	165	17		174	157	17		178	161	17		173	158	15	0	- 7	- 7		
8	Sở Tài chính	257	238	19		239	220	10		254	234	20		221	207	6		243	225	18		211	205	6		- 14	- 13	- 1	
9	Sở Xây dựng	1 726	1 391	93	242	1 772	1 208	53	242	250	210	23	17	264	185	23	17	252	212	23	17	256	189	22	17	- 1 474	- 1 179	- 70	- 225
10	Sở Giao thông Vận tải	747	454	123	170	730	391	110	170	740	447	123	170	713	368	109	170	727	436	121	170	726	359	106	170	- 20	- 18	- 2	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	129	110	19		109	92	7		127	108	19		105	87	16		124	105	19		103	87	16		- 5	- 5		
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	173	156	17		159	146	13		171	154	17		166	151	15		169	155	14		149	137	12		- 4	- 1	- 3	
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	165	145	20		139	121	18		163	143	20		136	118	17		154	134	20		129	112	17		- 11	- 11		
14	Sở Y tế	188	163	25		166	132	15		194	161	33		171	138	15		190	157	33		167	130	23		2	- 6	8	
15	Sở Văn hóa và Thể thao	134	118	16		143	107	16		132	116	16		135	107	15		129	113	16		116	101	13		- 5	- 5		
16	Sở Du lịch	68	59	9		74	48	5		67	58	9		66	42	7		65	56	9		52	40	6		- 3	- 3		
17	Sở Tư pháp	96	86	10		82	74	8		95	85	10		86	73	7		86	76	10		77	70	7		- 10	- 10		
18	Sở Ngoại vụ	44	36	8		45	30	8		43	35	8		41	28	9		42	34	8		38	28	8		- 2	- 2		
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	184	168	16		188	152	12		182	166	16		214	154	13		185	169	16		201	151	13		1	1		
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	111	96	15		108	73	13		110	95	15		110	81	15		107	92	15		92	77	15		- 4	- 4		

STT	Đơn vị	Biên chế được giao năm 2016 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2016				Biên chế được giao năm 2017 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2017				Biên chế được giao năm 2018 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2018				So sánh số biên chế được giao từ năm 2016 đến hết năm 2018			
		Tổng cộng	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng số	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng số	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng số	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức
1	2	3	4	6	7	8	9	11	12	14	15	17	18																
21	Thanh tra Thành phố	132	124	8		129	122	7		130	122	8		126	119	7		127	119	8		123	116	7		- 5	- 5		
22	Ban Dân tộc	29	21	8		25	19	6		29	21	8		27	19	8		29	21	8		28	20	8					
23	Ban chỉ đạo GPMB Thành phố	44	36	8		41	32	5		43	35	8		34	29	5										- 44	- 36	- 8	
24	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	68	59	9		66	55	8		67	58	9		65	54	8		66	57	9		63	53	7		- 2	- 2		
II	Khối chính quyền quận, huyện, thị xã	4 368	3 859	509		4 167	3 718	449		5 759	4 950	584	225	5 855	4 513	546	225	5 648	4 843	580	225	5 424	4 441	473	221	1 280	984	71	225
1	Quận Hoàn Kiếm	163	137	26		157	131	26		237	196	28	13	268	182	26	13	233	192	28	13	264	175	26	13	70	55	2	13
2	Quận Hai Bà Trưng	184	156	28		163	151	12		270	208	32	30	316	180	31	30	266	204	32	30	236	173	26	30	82	48	4	30
3	Quận Ba Đình	153	137	16		148	132	16		211	180	18	13	214	171	10	13	209	178	18	13	194	166	9	13	56	41	2	13
4	Quận Đống Đa	186	160	26		178	153	25		270	220	28	22	262	206	26	22	268	218	28	22	256	200	27	22	82	58	2	22
5	Quận Tây Hồ	135	121	14		130	116	14		183	156	17	10	177	145	17	10	180	153	17	10	169	144	15	10	45	32	3	10
6	Quận Thanh Xuân	137	121	16		132	116	16		184	156	18	10	215	137	15	10	179	151	18	10	158	134	14	10	42	30	2	10
7	Quận Cầu Giấy	134	119	15		125	110	15		175	152	17	6	190	139	17	6	175	152	17	6	157	134	17	6	41	33	2	6
8	Quận Hoàng Mai	133	118	15		129	114	15		209	173	17	19	200	164	17	19	207	171	17	19	200	160	15	19	74	53	2	19
9	Quận Long Biên	130	120	10		122	115	7		198	163	15	20	208	153	9	20	196	163	13	20	200	145	5	20	66	43	3	20
10	Quận Nam Từ Liêm	138	120	18		130	115	15		181	153	20	8	195	121	20	8	176	148	20	8	219	136	17	8	38	28	2	8
11	Quận Bắc Từ Liêm	138	120	18		134	116	18		186	158	20	8	214	132	20	8	183	155	20	8	150	140	2	8	45	35	2	8
12	Quận Hà Đông	157	144	13		153	140	13		211	191	20		194	174	20		205	185	20		200	180	20		48	41	7	
13	Huyện Thanh Trì	150	133	17		143	128	15		217	188	19	10	208	177	16	10	213	185	18	10	203	176	17	10	63	52	1	10
14	Huyện Gia Lâm	158	136	22		147	130	17		219	195	24		228	185	23		214	191	23		232	180	21		56	55	1	
15	Huyện Đông Anh	148	138	10		144	134	10		246	208	12	26	236	194	12	26	244	206	12	26	238	200	12	22	96	68	2	26
16	Huyện Sóc Sơn	164	146	18		155	140	15		265	215	20	30	259	212	14	30	262	212	20	30	259	209	11	30	98	66	2	30
17	Huyện Ba Vì	164	145	19		155	140	15		186	165	21		192	147	18		180	159	21		192	155	19		16	14	2	
18	Thị xã Sơn Tây	158	136	22		150	130	20		187	164	23		187	141	26		183	160	23		168	143	23		25	24	1	
19	Huyện Thạch Thất	136	126	10		131	122	9		158	146	12		151	140	11		155	143	12		148	136	9		19	17	2	
20	Huyện Phúc Thọ	127	115	12		115	110	5		149	135	14		176	127	6		146	132	14		133	123	10		19	17	2	
21	Huyện Đan Phượng	137	116	21		130	111	19		159	136	23		167	125	23		155	132	23		154	113	21		18	16	2	
22	Huyện Hoài Đức	133	123	10		127	118	9		158	146	12		182	133	9		154	142	12		136	129	7		21	19	2	
23	Huyện Quốc Oai	149	127	22		149	127	22		171	147	24		164	140	24		168	144	24		152	128	24		19	17	2	
24	Huyện Chương Mỹ	146	124	22		141	121	20		172	148	24		187	145	42		170	146	24		159	136	23		24	22	2	
25	Huyện Thanh Oai	123	113	10		119	109	10		143	131	12		135	111	14		137	125	12		133	105	11		14	12	2	

STT	Đơn vị	Biên chế được giao năm 2016 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2016				Biên chế được giao năm 2017 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2017				Biên chế được giao năm 2018 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2018				So sánh số biên chế được giao từ năm 2016 đến hết năm 2018			
		Tổng cộng	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng số	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng số	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng số	Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2006/NĐ-CP	LDHD theo định mức
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
26	Huyện Thường Tín	131	120	11		126	115	11		156	143	13		162	132	15		151	138	13		148	135	13		20	18	2	
27	Huyện Ứng Hòa	139	117	22		136	114	22		164	140	24		142	122	20		159	135	24		151	117	16		20	18	2	
28	Huyện Phú Xuyên	127	119	8		122	114	8		156	141	15		129	117	12		151	136	15		131	115	13		24	17	7	
29	Huyện Mỹ Đức	147	125	22		140	121	19		167	143	24		161	134	24		163	139	24		151	129	22		16	14	2	
30	Huyện Mê Linh	143	127	16		136	125	11		171	153	18		136	127	9		166	148	18		133	125	8		23	21	2	
III	Biên chế dự phòng	8	8							13	13							22	14	8						14	6	8	



KẾT QUẢ THỰC HIỆN BIẾN CHẾ SỰ NGHIỆP TRÊN TOÀN THÀNH PHỐ
(Kể theo Báo cáo số 24/BC-HĐND ngày 28/6/2019 của Thường trực HĐND Thành phố)

STT	Đơn vị	Biên chế được giao năm 2016 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2016				Biên chế được giao năm 2017 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2017				Biên chế được giao năm 2018 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2018				So sánh số biên chế được giao từ năm 2016 đến hết năm 2018						
		Tổng cộng	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	LDHĐ theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức				
1	2	3	5	6	7	8	10	11	12	13	14	16	17	18																		
	Tổng cộng toàn Thành phố	154 776	133 793	12 519	8 464	144 052	118 865	9 993	6 456	8 738	156 740	135 123	12 705	8 912	146 789	116 427	10 468	7 446	12 448	148 822	127 933	11 568	9 321	135 813	106 684	10 243	7 539	11 101	- 5 954	- 5 860	- 951	857
	Tổng cộng	154 728	133 745	12 519	8 464	144 052	118 865	9 993	6 456	8 738	156 470	134 853	12 705	8 912	146 789	116 427	10 468	7 446	12 448	148 346	127 457	11 568	9 321	135 813	106 684	10 243	7 539	11 101	- 6 382	- 6 288	- 951	857
	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, ngành	45 514	40 565	4 742	207	45 235	34 051	3 416	191	7 577	44 467	39 583	4 677	207	43 594	31 285	3 481	178	8 650	37 902	33 858	3 821	223	35 938	27 021	3 332	208	5 131	- 7 612	- 6 707	- 921	16
	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc thành phố	4 405	4 078	327		4 157	3 235	253		669	4 281	3 949	332		4 714	3 649	278		787	2 875	2 624	251		2 396	1 912	186		298	- 1 530	- 1 454	- 76	
	Khối Hội được giao biên chế	472	373	34	65	409	290	29	64	26	472	373	34	65	446	352	29	64	1	472	373	34	65	439	344	29	63	3				
	Khối chính quyền quận, huyện, thị xã	104 337	88 729	7 416	8 192	94 251	81 289	6 295	6 201	466	107 250	90 948	7 662	8 640	98 035	81 141	6 680	7 204	3 010	107 097	90 602	7 462	9 033	97 040	77 407	6 696	7 268	5 669	2 760	1 873	46	841
	Biên chế dự phòng	48	48								270	270								476	476								428	428		
A	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, ngành	45 514	40 565	4 742	207	45 235	34 051	3 416	191	7 577	44 467	39 583	4 677	207	43 594	31 285	3 481	178	8 650	37 902	33 858	3 821	223	35 938	27 021	3 332	208	5 131	- 7 612	- 6 707	- 921	16
1	Văn phòng UBND Thành phố	115	111	4		87	44			43	113	109	4		80	39		41	30	29	1		22	14				8	- 85	- 82	- 3	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	163	147	16		130	128	2			160	144	16		194	117	3	74	76	73	3		68	66	2				- 87	- 74	- 13	
3	Sở Nội vụ	24	24			14	14				24	24			17	17				24	24			17	17							
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2 345	2 006	132	207	2 217	890	106	191	1 030	2 320	1 981	132	207	2 046	728	102	178	1 038	2 096	1 778	111	207	1 995	692	104	192	1 007	- 249	- 228	- 21	
5	Sở Công Thương	92	80	12		88	75	7		6	90	78	12		65	59	6		82	70	12		69	54	6		9	- 10	- 10			
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	42	40	2		50	39	2		9	42	40	2		49	37	2	10	41	39	2		46	35	2		9	- 1	- 1			
7	Sở Tài chính	4	3	1		3	3				6	3	3		5	3	2		20	17	3		8	6	2			16	14	2		
8	Sở Xây dựng	462	414	48		480	298	35		147	454	406	48		232	122	11	99	80	70	10		88	55	4		29	- 382	- 344	- 38		
9	Sở Giao thông Vận tải	554	489	65		676	436	37		203	545	480	65		296	157	18	121	95	80	15		153	71	8		74	- 459	- 409	- 50		
10	Sở Khoa học và Công nghệ	113	93	20		103	73	9		21	111	91	20		101	63	11	27	95	78	17		74	54	11		9	- 18	- 15	- 3		
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	3 208	1 742	1 466		2 877	1 343	1 221		313	3 198	1 732	1 466		2 821	1 313	1 255	253	2 843	1 765	1 078		2 446	1 305	1 034		107	- 365	23	- 388		
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	12 144	11 382	762		11 175	10 563	599		13	11 043	10 459	584		10 172	9 627	514	31	10 612	10 059	537	16	9 710	9 157	496	16	41	- 1 532	- 1 323	- 225	16	
13	Sở Y tế	22 989	21 115	1 874		23 611	17 808	1 233		4 570	23 581	21 642	1 939		24 709	17 175	1 367	6 167	19 879	18 140	1 739		19 344	14 270	1 506		3 322	- 3 110	- 2 975	- 135		
14	Sở Văn hóa và Thể thao	1 615	1 373	242		1 759	1 045	111		603	1 633	1 345	288		1 514	995	136	383	1 473	1 216	257		1 384	895	130		359	- 142	- 157	15		
15	Sở Tư pháp	306	286	20		281	268	13			300	280	20		280	260	20		173	161	12		241	154	9		78	- 133	- 125	- 8		
16	Sở Ngoại vụ	8	8			7	7				8	8																- 8	- 8			
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	1 180	1 119	61		1 545	931	27		587	691	630	61		904	504	20	380	159	149	10		162	114	4		44	- 1 021	- 970	- 51		
18	Sở Quy hoạch Kiến trúc	113	97	16		89	58	14		17	111	95	16		81	52	14	15	99	85	14		90	45	14		31	- 14	- 12	- 2		
19	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	37	36	1		43	28			15	37	36	1		28	17		11	25	25			21	17			4	- 12	- 11	- 1		

STT	Đơn vị	Biên chế được giao năm 2016 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2016				Biên chế được giao năm 2017 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2017				Biên chế được giao năm 2018 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2018				So sánh số biên chế được giao từ năm 2016 đến hết năm 2018						
		Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	LD Hợp đồng khác	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	LD Hợp đồng khác	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	LD Hợp đồng khác	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	LD Hợp đồng khác	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức			
B	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc thành phố	4 405	4 078	327		4 157	3 235	253		669	4 281	3 949	332		787	2 875	2 624	251			2 396	1 912	186		298	- 1 530	- 1 454	- 76				
1	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long	230	134	96		230	107	96		27	224	128	96		207	103	79		25	219	125	94		201	99	79		23	- 11	- 9	- 2	
2	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại và Du lịch Thành phố	78	70	8		68	63	5			78	70	8		95	63	8		24	110	98	12		109	76	9		24	32	28	4	
3	Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội	597	582	15		724	561	7		156	585	570	15		707	550	6		151										- 597	- 582	- 15	
4	Báo Kinh tế Đô thị	30	24	6		100	22	6		72	30	24	6		107	20	6		81										- 30	- 24	- 6	
5	Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội														166	154	12															
6	Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội	103	95	8		89	67	6		16	101	93	8															- 103	- 95	- 8		
7	Quỹ phát triển đất thành phố Hà Nội	40	34	6		35	32	3			39	33	6															- 40	- 34	- 6		
8	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	129	124	5		124	111	3		10	129	124	5		127	109	1		17									- 129	- 124	- 5		
9	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường Thành phố														132	122	10															
10	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp														177	158	19															
11	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông														419	299	21		99													
12	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Văn hóa - Xã hội Thành phố														161	112	5		44													
13	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành phố														107	63	6		38													
14	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng khu đô thị mới	65	60	5		57	44	5		8	64	59	5														- 65	- 60	- 5			
15	Ban Quản lý Dự án Hệ thống Tả Ngạn	112	102	10		117	57	8		52	110	100	10														- 112	- 102	- 10			
16	Ban Quản lý các Dự án trọng điểm phát triển đô thị	110	100	10		92	82	8		2	108	98	10														- 110	- 100	- 10			
17	Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội	148	145	3		133	89	2		42	145	142	3		136	80	2		54								- 148	- 145	- 3			
18	Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội	85	79	6		75	59	3		13	83	77	6		60	56	3		1	79	75	4		51	48	3		- 6	- 4	- 2		
19	Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong	170	154	16		130	104	15		11	146	129	17														- 170	- 154	- 16			
20	Trường Đại học Thủ đô	310	302	8		318	239	1		78	343	335	8		353	251	8		94	386	371	15		353	250	9		94	- 76	69	7	
21	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	149	143	6		133	131	2			149	143	6			126	124	2			149	143	6		117	115	2					
22	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	262	248	14		186	176	10			247	233	14			177	169	8			247	233	14		169	16	8		- 15	- 15		
23	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	203	191	12		199	144	11		44	203	191	12		53	198	135	10			203	191	12		197	132	8		57			
24	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	187	177	10		169	139	7		23	187	177	10		5	187	157	8			187	177	10		166	152	9		5			
25	Trường Cao đẳng Công đồng Hà Nội	207	202	5		191	184	3		4	189	184	5		3	175	169	3			177	172	5		151	146	2		3	- 30	- 30	

STT	Đơn vị	Biên chế được giao năm 2016 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2016					Biên chế được giao năm 2017 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2017					Biên chế được giao năm 2018 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2018					So sánh số biên chế được giao từ năm 2016 đến hết năm 2018			
		Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	LD Hợp đồng khác	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	LD Hợp đồng khác	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	LD Hợp đồng khác	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	LD Hợp đồng khác	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
26	Trường Cao đẳng Công đồng Hà Tây	190	179	11		154	132	11		11	161	146	15		8	161	146	15			131	110	15		6	- 29	- 33	4				
27	Trường Cao đẳng Điện tử Điện lạnh Hà Nội	176	168	8		117	96	5		16	166	158	8			164	158	6			98	85	5		8	- 12	- 10	- 2				
28	Trường Cao đẳng Thương Mại và Du lịch Hà Nội	204	196	8		155	147	6		2	160	152	8		2	160	152	8			141	132	5		4	- 44	- 44					
29	Trường Cao đẳng Công nghệ Môi trường Hà Nội	83	73	10		87	66	9		12	83	73	10		14	83	73	10			70	54	8		8							
30	Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội	299	290	9		244	225	4		15	259	250	9		38	258	250	8			212	179	4		29	- 41	- 40	- 1				
31	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội	159	147	12		173	121	8		44	202	190	12		21	202	190	12			156	126	7		23	43	43					
32	Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc	79	59	20		57	37	9		11	90	70	20		15	90	70	20			74	47	13		14	11	11					
C	Khởi Hội được giao biên chế	472	373	34	65	409	290	29	64	26	472	373	34	65	446	352	29	64	1	472	373	34	65	439	344	29	63	3				
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	23	9	2	12	23	9	2	12		23	9	2	12		23	9	2	12		19	7	2	10								
2	Liên Hiệp các Tổ chức hữu nghị Thành phố	16	14	2		12	10	2			16	14	2			16	14	2			13	8	2		3							
3	Liên Hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	9	3	4	2	7	3	2	2		9	3	4	2		9	3	4	2		7	3	2	2								
4	Hội Chữ Thập Đỏ	21	19	2		20	18	2			21	19	2			21	19	2			21	19	2									
5	Hội Người mù	26		4	22	26		4	22		26		4	22		26		4	22		26		4	22								
6	Hội Luật gia	5	5			3	3				5	5				5	5				5	5										
7	Hội Nhà Báo	7	5	1	1	7	5	1	1		7	5	1	1		7	5	1	1		7	5	1	1								
8	Hội Đồng Y	24	20	2	2	24	20	2	2		24	20	2	2		24	20	2	2		24	20	2	2								
9	Hội Khuyến học	1			1	1				1	1				1	1				1	1			1								
10	Hội cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8		2	6	8		2	6		8		2	6		8		2	6		8		2	6								
11	Liên minh hợp tác xã Thành phố	48	27	2	19	48	27	2	19		48	27	2	19		48	27	2	19		48	27	2	19								
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	284	271	13		230	195	10		25	284	271	13			260	250	10			284	271	13		260	250	10					
1	Bảo Tuổi trẻ Thủ đô	15	15			13	11			2	15	15				14	14				15	15			14	14						
2	Cung Văn hóa Thể thao Hà Nội	31	31			26	25			1	31	31				29	29				31	31										
3	Cung Thiếu nhi Hà Nội	59	59			55	55				59	59				54	54				59	59			54	54						
4	Nhà Văn hóa Học sinh Sinh viên Hà Nội	24	24			20	17			3	24	24				22	22				24	24										
5	Trường Đào tạo Cán bộ đội TNTP Hồ Chí Minh mang tên L.A.Đuẩn	63	50	13		59	46	10		3	63	50	13			56	46	10			63	50	13		56	46	10					
6	Trung tâm giới thiệu việc làm TNHN	15	15			15	10			5	15	15				14	14				15	15										
7	Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển TNHN	15	15			14	13			1	15	15				14	14				15	15										
8	Trung tâm Giáo dục LĐHN TN HN	62	62			28	18			10	62	62				57	57				62	62										
	Cung Thanh niên Hà Nội																				51	51										
	Trung tâm dịch vụ việc làm và hỗ trợ thanh niên Hà Nội																				85	85										
D	Khởi chính quyền quận, huyện, thị xã	104 337	88 729	7 416	8 192	94 251	81 289	6 295	6 201	466	107 250	90 948	7 662	8 640	98 035	81 141	6 680	7 204	3 010	107 097	90 602	7 462	9 033	97 040	77 407	6 696	7 268	5 669	2 760	1 873	46	841
1	Quận Hoàn Kiếm	2 289	1 948	219	122	2 043	1 755	196	77	15	2 294	1 960	221	113	2 042	1 748	169	75	50	2 058	1 741	201	116	1 901	1 427	152	94	228	- 231	- 207	- 18	- 6

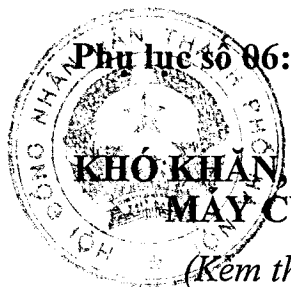
STT	Đơn vị	Biên chế được giao năm 2016 theo NQ của HĐND				Số thực hiện năm 2016					Biên chế được giao năm 2017 theo NQ của HĐND					Số thực hiện năm 2017					Biên chế được giao năm 2018 theo NQ của HĐND					Số thực hiện năm 2018					So sánh số biên chế được giao từ năm 2016 đến hết năm 2018			
		Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	LD Hợp đồng khác	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	LD Hợp đồng khác	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	LD Hợp đồng khác	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	LD Hợp đồng khác	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	LD Hợp đồng khác	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức
2	Quận Hai Bà Trưng	3 066	2 627	237	202	2 746	2 363	227	156		3 226	2 725	243	258	2 888	2 399	233	193	63	3 183	2 688	238	257	2 854	2 105	222	181	346	117	61	1	55		
3	Quận Ba Đình	2 890	2 500	213	177	2 495	2 144	193	140	18	2 805	2 410	218	177	2 442	2 048	201	159	34	2 790	2 387	214	189	2 304	1 938	192	164	10	- 100	- 113	1	12		
4	Quận Đống Đa	3 476	2 951	279	246	2 992	2 634	227	131		3 549	3 015	281	253	3 041	2 668	217	151	5	3 552	2 995	275	282	2 948	2 546	231	165	6	76	44	- 4	36		
5	Quận Tây Hồ	1 706	1 467	117	122	1 544	1 329	106	103	6	1 742	1 494	121	127	1 631	1 332	108	111	80	1 719	1 473	118	128	1 560	1 225	108	112	115	13	6	1	6		
6	Quận Thanh Xuân	2 233	1 918	168	147	2 068	1 840	121	86	21	2 334	2 007	174	153	2 124	1 843	100	120	61	2 346	2 001	163	182	2 076	1 765	64	110	137	113	83	- 5	35		
7	Quận Cầu Giấy	2 528	2 240	152	136	2 255	1 961	147	93	54	2 723	2 415	157	151	2 255	2 018	146	91		2 660	2 327	154	179	2 417	1 903	146	91	277	132	87	2	43		
8	Quận Hoàng Mai	3 293	2 803	238	252	2 839	2 370	217	191	61	3 401	2 891	236	274	2 943	2 367	208	201	167	3 429	2 932	223	274	3 035	2 260	214	215	346	136	129	- 15	22		
9	Quận Long Biên	3 729	3 122	261	346	3 338	2 753	260	273	52	3 922	3 290	275	357	3 307	2 705	242	299	61	3 957	3 316	251	390	3 390	2 581	218	351	240	228	194	- 10	44		
10	Quận Nam Từ Liêm	2 070	1 748	117	205	1 659	1 449	113	52	45	2 158	1 815	146	197	1 683	1 349	125	163	46	2 119	1 788	131	200	1 636	1 332	125	163	16	49	40	14	- 5		
11	Quận Bắc Từ Liêm	2 630	2 221	159	250	2 216	1 927	157	81	51	2 755	2 334	158	263	2 537	1 907	158	200	272	2 751	2 322	158	271	2 473	1 813	156	177	327	121	101	- 1	21		
12	Quận Hà Đông	3 928	3 330	259	339	3 808	3 209	257	336	6	4 374	3 701	282	391	3 762	3 325	45	391	1	4 408	3 735	253	420	4 076	3 326	59	382	309	480	405	- 6	81		
13	Huyện Thanh Trì	3 755	3 114	298	343	3 183	2 598	287	296	2	3 938	3 278	300	360	3 178	2 598	278	302		3 981	3 321	292	368	3 085	2 490	280	296	19	226	207	- 6	25		
14	Huyện Gia Lâm	3 676	3 093	291	292	3 381	2 881	213	287		3 748	3 155	294	299	3 440	2 832	209	290	109	3 904	3 282	288	334	3 466	2 727	224	296	219	228	189	- 3	42		
15	Huyện Đông Anh	5 417	4 618	293	506	4 942	4 354	263	323	2	5 502	4 674	300	528	5 020	4 343	277	364	36	5 537	4 706	294	537	5 015	4 178	286	368	183	120	88	1	31		
16	Huyện Sóc Sơn	5 365	4 547	403	415	4 803	4 113	403	270	17	5 445	4 589	406	450	5 318	4 133	403	375	407	5 569	4 696	404	469	5 194	3 966	402	367	459	204	149	1	54		
17	Huyện Ba Vì	5 106	4 250	448	408	4 927	4 141	432	341	13	5 181	4 298	463	420	5 338	4 088	452	391	407	5 237	4 333	458	446	5 175	3 958	451	388	378	131	83	10	38		
18	Thị xã Sơn Tây	2 325	1 974	188	163	2 036	1 760	144	132		2 299	1 933	192	174	2 223	1 780	178	130	135	2 313	1 961	178	174	2 024	1 714	173	4	133	- 12	- 13	- 10	11		
19	Huyện Thạch Thất	3 686	3 163	248	275	3 413	3 087	100	226		3 795	3 251	260	284	3 527	3 048	257	222		3 738	3 192	257	289	3 547	2 938	239	246	124	52	29	9	14		
20	Huyện Phúc Thọ	3 165	2 708	222	235	2 738	2 370	144	194	30	3 331	2 829	226	276	3 233	2 412	219	208	394	3 325	2 825	222	278	3 177	2 302	208	245	422	160	117		43		
21	Huyện Đan Phượng	2 735	2 327	182	226	2 341	1 978	173	166	24	2 829	2 396	185	248	2 377	1 967	181	163	66	2 850	2 415	185	250	2 349	1 840	180	217	112	115	88	3	24		
22	Huyện Hoài Đức	4 176	3 554	240	382	3 811	3 286	150	365	10	4 280	3 634	240	406	3 792	3 250	155	359	28	4 230	3 579	235	416	3 686	3 104	180	381	21	54	25	- 5	34		
23	Huyện Quốc Oai	3 654	3 080	260	314	3 371	3 000	193	178		3 876	3 250	301	325	3 500	2 988	258	251	3	3 807	3 210	295	302	3 751	2 861	290	296	304	153	130	35	- 12		
24	Huyện Chương Mỹ	4 874	4 180	330	364	4 686	4 080	290	316		4 896	4 181	332	383	4 858	3 956	332	331	239	4 897	4 158	330	409	4 854	3 770	328	330	426	23	- 22		45		
25	Huyện Thanh Oai	3 666	3 165	219	282	3 315	2 909	167	239		3 589	3 074	225	290	3 346	2 865	209	245	27	3 447	2 924	220	303	3 614	2 717	209	237	451	- 219	- 241	1	21		
26	Huyện Thường Tín	4 097	3 545	273	279	3 417	3 291	65	61		4 041	3 484	278	279	3 866	3 334	241	273	18	4 058	3 480	270	308	3 741	3 202	267	272		- 39	- 65	- 3	29		
27	Huyện Ứng Hòa	3 550	3 013	278	259	3 412	2 927	259	226		3 597	3 059	286	252	3 377	2 859	265	250	3	3 583	3 020	280	283	3 276	2 757	262	257		33	7	2	24		
28	Huyện Phú Xuyên	3 993	3 388	272	333	3 543	2 948	264	331		4 056	3 437	276	343	3 886	3 178	248	327	133	4 035	3 413	270	352	3 622	3 057	244	320	1	42	25	- 2	19		
29	Huyện Mỹ Đức	3 615	3 024	312	279	3 587	2 993	300	259	35	3 768	3 123	346	299	3 703	3 019	340	299	45	3 810	3 138	370	302	3 581	2 932	368	274	7	195	114	58	23		
30	Huyện Mê Linh	3 644	3 111	240	293	3 342	2 839	227	272	4	3 796	3 246	240	310	3 398	2 782	226	270	120	3 804	3 244	235	325	3 213	2 673	218	269	53	160	133	- 5	32		
VI	Biên chế dự phòng	48	48								270	270								476	476							428	428					

BIỂU SO SÁNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2017 VÀ NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-HĐND ngày 28/6/2019 của Thường trực HĐND Thành phố)

STT	Nội dung	Năm 2017		Năm 2018		So sánh	
		Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số*	Xếp hạng
I	Chỉ số tổng hợp PAR INDEX	85,46	2	83,98	2		Không tăng
1	Điểm thăm định	54,31		52,13			
2	Điểm đánh giá tác động của CCHC	31,15		31,85			
	Chỉ số SIPAS	11,48		10,04			
	Khảo sát lãnh đạo quản lý	16,67		18,81			
	Tác động đến phát triển KTXH	3,00		3,00			
II	Các chỉ số thành phần						
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC	8,00	21	7,25	21		Không tăng
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL	8,38	35	8,84	10		Tăng 25 bậc
3	Cải cách thủ tục hành chính	13,95	10	11,5	20		Giảm 10 bậc
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	9,13	12	9,95	7		Tăng 5 bậc
5	Xây dựng và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	13,88	2	11,68	4		Giảm 2 bậc
6	Cải cách tài chính công	6,33	6	9,65	20		Giảm 14 bậc
7	Hiện đại hóa hành chính	11,30	16	12,07	1		Tăng 15 bậc
8	Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố	14,48	36	13,04	37		Giảm 1 bậc

* Do các tính điểm các chỉ số thành phần đánh giá kết quả cải cách hành chính theo từng lĩnh vực giữa năm 2017 và năm 2018 có sự khác nhau nên biểu so sánh sẽ không so sánh điểm thành phần mà chỉ so sánh thứ tự xếp hạng.



Phụ lục số 06:

KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CÁC ĐƠN VỊ ĐOÀN GIÁM SÁT TRỰC TIẾP

*(Kèm theo Báo cáo số 24 /BC-HĐND ngày 28 /6/2019
của Thường trực HĐND Thành phố)*

I. CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC CÁC SỞ

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở vẫn chưa hoàn thành công tác sắp xếp tổ chức bộ máy theo Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND Thành phố; Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp chưa được Thành phố phê duyệt. Nguyên nhân do Sở chưa thực sự quyết liệt, chưa tập trung cao độ trong công tác này và hiện nay vẫn phải chờ hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện; chưa có hướng dẫn về việc sáp nhập các đơn vị sự nghiệp của Sở Nông nghiệp & PTNT cũng như chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp & PTNT.

- Còn tình trạng sử dụng viên chức thực hiện nhiệm vụ công chức tại các Chi cục thuộc Sở, nhất là tại các đơn vị sự nghiệp: Chi cục Điều tra và Phòng chống lụt bão; Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật... dẫn đến việc thực hiện chế độ chính sách cho công chức, viên chức của một số đơn vị sự nghiệp còn chậm và gặp nhiều khó khăn.

- Công tác đánh giá công tác cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn hạn chế, nội dung và phương thức đánh giá còn chậm đổi mới, chưa gắn với thực tiễn công việc dẫn đến khó cho việc tinh giản biên chế hiệu quả. Công tác kiểm tra công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục.

2. Sở Văn hóa & Thể thao

- Việc thực hiện tự chủ của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở còn nhiều hạn chế. Khả năng tự chủ của các đơn vị tự chỉ 1 phần không đồng đều, thu nhập tăng thêm cho người lao động còn thấp, thậm chí có đơn vị còn không đảm bảo.

- Qua báo cáo của Sở cũng như các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, theo đề án hiện nay lại đưa một số đơn vị đang gặp nhiều khó khăn trong quá trình tự chủ để nâng mức tự chủ lên 100% thì việc triển khai thực hiện sẽ khó mang tính khả thi, không đảm bảo tiến độ, hiệu quả theo kế hoạch chung.

Các đơn vị sự nghiệp đang trong quá trình thực hiện chuyển đổi sang mô hình tự chủ nhưng chưa chủ động trong công tác tăng thu nhằm nâng mức tự chủ. Một số đơn vị sự nghiệp tự chủ hoàn toàn như Nhà hát Múa rối Thăng Long tuy đã có nhiều cố gắng trong việc trang trải kinh phí để cải tạo cơ sở vật chất hạ tầng, nâng cao thu nhập cho người lao động nhưng gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện các cơ chế, chính sách, các thủ tục để triển khai sửa chữa, cải tạo.

- Cơ sở vật chất đã xuống cấp nghiêm trọng hoặc nhiều đơn vị chưa có trụ sở để làm việc, không có sân khấu để biểu diễn, trong khi nguồn kinh phí hàng năm được cấp phục vụ công tác duy tu sửa chữa chưa đáp ứng so với nhu cầu và thực trạng cần sửa chữa của đơn vị. Nhiều đơn vị trong thời gian dài chưa có rạp để biểu diễn như Nhà hát Nghệ thuật xiếc và tạp kỹ Hà Nội, Nhà hát Ca múa nhạc Thăng Long dự án cải tạo sửa chữa từ năm 2014 đến nay chưa được Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa xã hội nghiệm thu đưa vào sử dụng gây khó khăn trong công tác tăng nguồn thu.

- Việc chuyển đổi mô hình hoạt động từ Phòng Quản lý dự án sang Ban Quản lý dự án tại Bảo tàng Hà Nội còn gặp nhiều khó khăn do phải chờ hướng dẫn cụ thể của Sở Nội vụ.

- Một số đơn vị đã xây dựng đề án liên doanh, liên kết nhưng chưa hoàn thiện thủ tục và trình phê duyệt theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định 151/2017/NĐ-CP, Thông tư số 144/2017/TT-BTC làm hạn chế nguồn thu để nâng mức tự chủ tài chính.

- Việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế còn gặp nhiều khó khăn do thực hiện theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị định 113/2018/NĐ-CP và chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể đối với những người lao động làm công tác biểu diễn nghệ thuật, thể thao.

- Do đặc thù ngành biểu diễn nghệ thuật, các cán bộ, viên chức trong đơn vị đã hết tuổi nghề nhưng chưa đến tuổi nghỉ hưu, không đủ điều kiện để tinh giản biên chế dẫn đến việc đơn vị nhiều biên chế nhưng vẫn phải ký hợp đồng lao động ngắn hạn phục vụ biểu diễn nhằm tăng nguồn thu cho đơn vị.

- Bên cạnh đó là sự thay đổi, điều chỉnh, bổ sung thường xuyên và liên tục các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TTHC các cấp; những biến động trong việc cập nhật, bổ sung các Nghị định, Thông tư của Trung ương cũng có ảnh hưởng đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị thụ lý hồ sơ, công dân và doanh nghiệp khi tiếp cận với sự thay đổi này.

3. Sở Giáo dục & Đào tạo

- Hoạt động của các Trung tâm Giáo dục dạy nghề- Giáo dục thường xuyên trực thuộc UBND các quận, huyện đang khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ và chưa được ban hành quy chế hoạt động; chế độ chính sách thực hiện chưa thống nhất, còn chồng chéo. Hiện nay đồng thời vẫn còn 03 cơ quan thực hiện quản lý hoạt động với các trung tâm này: UBND cấp huyện quản lý về tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính; Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Lao động TB & XH quản lý về chuyên môn.

- Một số nhà trường được tự chủ về tài chính nhưng chưa được chủ động trong việc tuyển dụng nhân sự, sử dụng biên chế. Trường mới chỉ được phép trong việc ký hợp đồng lao động hay chấm dứt hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên không phải là viên chức. Các trường khi chuyển sang mô hình trường chất lượng cao, mức thu học phí tăng (năm sau cao hơn năm trước), số lượng học sinh theo học ít, nguồn lương chi trả cho giáo viên không đảm bảo, dẫn đến một số giáo viên trường chất lượng cao xin thôi việc (Trường Tiểu học Nam Từ Liêm, Trường mầm non 20/10).

- Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa quy định, hướng dẫn cụ thể về cơ sở pháp lý, cơ chế tài chính trong việc quy định khung trần học phí đối với các trường thực hiện cơ chế tự chủ. Sự chênh lệch học phí giữa các trường gây khó khăn trong quá trình chuyển đổi mô hình, thu hút học sinh theo học.

- Chưa có cơ chế chính sách riêng cho các trường tự chủ tài chính, đặc biệt trong việc đầu tư sửa chữa nhỏ, mua sắm; chưa đảm bảo được kinh phí sửa chữa lớn và đầu tư cơ bản. Trong chỉ tiêu tài chính vẫn áp dụng nguyên tắc chi như với các trường được cấp ngân sách nên còn gặp nhiều khó khăn về các thủ tục, tiến độ.

- Việc đẩy nhanh tiến độ đối với các trường thực hiện mô hình chất lượng cao chưa đạt hiệu quả vì chỉ quy định các trường này được đặt ở những địa phương đã phổ cập giáo dục.

- So với các ngành, lĩnh vực khác trên toàn Thành phố thì ngành giáo dục chưa có quy định về phát triển dịch vụ trong giảng dạy và học tập. Đó cũng là yếu tố ảnh hưởng đến nguồn thu của các đơn vị.

- Tiếp đó, là việc rà soát mạng lưới trường học gặp nhiều khó khăn khi tiến hành tại các quận huyện, chưa nhận được sự phối hợp của các quận, huyện trong việc triển khai thực hiện công tác này; việc tuyển sinh trái tuyến ở các cấp học còn nhiều, đặc biệt là các quận nội thành, gây ra sự quá tải về số lượng học sinh, mất cân bằng lãng phí trường học ở nhiều địa phương.

- Bên cạnh đó, các trường đang gặp khó khăn trong việc tiếp cận, đặt mối quan hệ liên kết với các trường, các cơ sở giáo dục nước ngoài để triển khai các hoạt động giao lưu chia sẻ kinh nghiệm tiên tiến cũng như hợp tác, trao đổi học sinh, giáo viên trong lĩnh vực đào tạo.

- Các trường học thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo đang gặp khó khăn về việc lớp học xuống cấp, chưa được cải tạo, sửa chữa kịp thời, còn thiếu các phòng học chức năng, hội trường đủ rộng, các phòng học công nghệ cao, các phòng thí nghiệm thực hành hiện đại để đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường.

- Công tác phân cấp quản lý đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các đơn vị trực thuộc Sở chưa có sự thống nhất và chưa đúng quy định tại Nghị định 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ. Hiện nay công tác bổ nhiệm, kỷ luật cán bộ thuộc thẩm quyền UBND Thành phố, tuy nhiên công tác quy hoạch, đánh giá, phân loại, thực hiện chế độ chính sách lại giao cho Sở Giáo dục & Đào tạo thực hiện.

- Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc tạm dừng tuyển dụng viên chức chuyên trách làm công tác y tế, tài chính kế toán, tuy nhiên theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP thì lại không được ký hợp đồng với những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị sự nghiệp công lập nên thời gian qua việc bố trí đội ngũ viên chức y tế, kế toán tại các cơ sở giáo dục còn nhiều khó khăn.

II. CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CỦA UBND THÀNH PHỐ

1. Ban QLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường Thành phố

- Do việc hợp nhất các Ban quản lý dự án nên trình độ chuyên môn của các cán bộ không đồng đều, chưa sắp xếp theo đúng đề án vị trí việc làm dẫn đến tình

trạng vị trí việc làm không được bố trí phù hợp với chuyên ngành đào tạo; còn thiếu cán bộ có nhiều kinh nghiệm trong thực hiện dự án.

- Theo Quyết định thành lập Ban quản lý dự án hoạt động theo nguyên tắc tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên từ các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật và đến nay đã đảm bảo được nguồn thu để chi trả cho toàn bộ hoạt động thường xuyên của đơn vị. Tuy nhiên, hàng năm Ban quản lý dự án vẫn phải lập dự toán thu chi hàng năm trình UBND Thành phố phê duyệt dẫn đến ảnh hưởng trong việc đảm bảo chi thường xuyên khi chờ được phê duyệt. Ban quản lý dự án chưa được giao quyền tự chủ trong việc quản lý biên chế, tài chính, tài sản nên gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hoạt động của đơn vị.

- Theo cơ cấu tổ chức Ban quản lý dự án thành lập phòng Quản lý dự án PPP có chức năng thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP), để thực hiện chức năng quản lý hợp đồng các dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP). Tuy nhiên, hiện nay một số Dự án của Ban QLDA được giao quản lý hợp đồng nhưng không tham gia giai đoạn ký kết hợp đồng dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

Về công tác cải cách hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính:

- Do việc sáp nhập nguyên trạng nên trụ sở làm việc của Ban quản lý dự án không tập trung trên cùng một địa bàn. Vì vậy, gặp không ít khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý nhân sự; triển khai thực hiện một số nội dung cải cách hành chính, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đôi lúc còn chưa kịp thời, thiếu sát sao trong giải quyết công việc. Kết quả triển khai ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế chưa đáp ứng hết nhu cầu công việc.

- Cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ, hệ thống công nghệ thông tin còn sơ sài, thiết bị đầu cuối đa phần là các thiết bị cũ đã sử dụng từ lâu chưa được nâng cấp, chưa được trang bị máy chủ; thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, hiện mới chỉ có 01 cán bộ có bằng đại học chuyên ngành công nghệ thông tin đang làm công tác kiêm nhiệm. Vì vậy, kết quả triển khai ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế chưa đáp ứng được hiệu quả công việc.

2. Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông Thành phố:

- Do việc tiếp nhận toàn bộ viên chức, người lao động từ 07 Ban QLDA cũ dẫn đến còn rất lớn số lượng lao động chuyên môn chiếm tỷ lệ cao (*1/4 tổng biên chế*), nhiều người đã ký hợp đồng lâu năm và có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chưa phù hợp dẫn đến khó khăn trong việc sắp xếp theo đề án vị trí việc làm cũng như tuyển dụng mới và khó khăn cho cả công tác tinh giản biên chế.

- Hiện nay số biên chế có mặt của Ban giảm 135 người so với thời điểm hợp nhất và thấp hơn so với số lượng biên chế được UBND Thành phố giao. Tuy nhiên có đến 91/135 người = 67,4% lại là những người có trình độ, có kinh nghiệm, thâm niên công tác và có chuyên môn phù hợp với các vị trí việc làm thì nghỉ hoặc chuyển công tác khác nên ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động của Ban. Nguyên nhân là do chế độ đãi ngộ, các chế độ về thu nhập không đảm bảo nhu cầu đời sống của viên chức, người lao động, đồng thời kinh phí, tiềm lực tài chính của Ban còn rất hạn hẹp.

- Do được thành lập dựa trên cơ sở hợp nhất của 07 Ban QLDA cũ nên Ban đã phải tiếp nhận toàn bộ các dự án cũ của các Ban, trong tổng số 187 dự án đa số là dự án chuyển tiếp, và có đến 136 dự án cũ phải toán toán, xử lý tồn đọng, nhiều dự án kéo dài hàng chục năm nhưng chưa thể quyết toán hoặc giải quyết dứt điểm, đến nay không còn nguồn thu từ quản lý dự án và nhiều cán bộ, người lao động lại chuyển công tác hoặc nghỉ việc nên việc tháo gỡ vướng mắc này gặp rất nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, Ban còn phải tiếp nhận tất cả các khoản tài chính từ các Ban, trong đó nhiều Ban đã chi hết kinh phí quản lý dự án, nhiều Ban cũ còn chuyển khoản nợ về Ban mới (Ban Tả Ngạn chuyển nợ hơn 10 tỷ đồng từ việc thuê trụ sở...). Tuy Ban mới đã có nhiều cố gắng nhưng không thể đảm bảo được cho việc trả các khoản nợ đó. Hiện nay số dự án Ban được Thành phố giao đều là những dự án giao thông mới, tiến độ phê duyệt dự án thường kéo dài, đồng thời theo quy định hiện nay chỉ được trích tỷ lệ 1% kinh phí quản lý dự án nên việc đảm bảo tài chính cho hoạt động của Ban rất hạn hẹp, Ban còn phải vay ngân sách để trả lương do các dự án mới triển khai không đủ để chi cho hoạt động thường xuyên, hiện còn nợ tiền bảo hiểm xã hội lên đến hơn 1 tỷ đồng, đời sống của cán bộ viên chức, người lao động gặp nhiều khó khăn.

- Theo Quyết định thành lập Ban quản lý dự án hoạt động theo nguyên tắc tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên từ các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hàng năm Ban quản lý dự án vẫn phải lập dự toán thu chi hàng năm trình UBND Thành phố phê duyệt dẫn đến ảnh hưởng trong việc đảm bảo chi thường xuyên khi chờ được phê duyệt. Ban quản lý dự án chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn trong việc quản lý biên chế, tài chính, tài sản nên gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hoạt động của đơn vị.

- Công tác tinh giản biên chế của Ban còn gặp nhiều khó khăn. Việc giải quyết chế độ chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế hiện nay vẫn còn phải sử dụng từ kinh phí thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập, với khả năng về tài chính hiện nay của Ban không thể đảm bảo bảo cho việc giải quyết chế độ này đối với những người nghỉ. Đồng thời, trong công tác đánh giá cán bộ của Ban vẫn còn hạn chế như còn mang tính nể nang, né tránh, ngại va chạm, còn một số viên chức, người lao động không đảm bảo về trình độ, năng lực theo đề án vị trí việc làm nhưng chưa thực hiện tinh giản biên chế được.

- Về trụ sở hiện nay của Ban do có sự phân tán nên ít nhiều có sự ảnh hưởng đến công tác hành chính của nội bộ Ban.

III. CÁC CÔNG TY THỦY LỢI TRỰC THUỘC THÀNH PHỐ

- Tiến độ thực hiện sắp xếp lại các Công ty còn chậm so với kế hoạch đề ra. Đến ngày 02/5/2019 mới hoàn thành xong việc sáp nhập, hợp nhất Công ty Thủy lợi Hà Nội và Công ty Thủy lợi Mê Linh.

- Đa số các Công ty đều có khó khăn trong việc thực hiện Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố trong việc phối hợp với các địa phương để hoàn thành công tác bàn giao, tiếp nhận quản lý, khai thác các công trình thủy lợi. Trong quá trình kiểm đếm tại thực địa, Công ty và các HTX gặp nhiều khó khăn trong việc định giá, đánh giá tài sản còn lại của công trình để bàn giao, tiếp nhận, chưa thống nhất được phương án xử lý tài sản do

nhân dân đóng góp. Các công trình, hệ thống thủy lợi nhận bàn giao đa số đã xuống cấp, máy móc trang thiết bị cũ nát, lạc hậu...nên rất khó khăn cho hoạt động sản xuất của các Công ty.

- Công tác đặt hàng hàng năm do UBND Thành phố phê duyệt kinh phí còn chậm (ví dụ: tháng 7/2016, tháng 9/2017, tháng 5/2018, tháng 4/2019) nên một số Công ty không chủ động được trong thực hiện nhiệm vụ.

- Bên cạnh đó theo báo cáo của các Công ty thì việc xác định đơn giá duy trì, vận hành hệ thống tưới, tiêu trên địa bàn Thành phố kèm theo các Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 và Quyết định số 6684/QĐ-UBND còn một số nội dung bất cập. Từ đó ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn thu của các Công ty, việc thực hiện chi cho lương, chi cho hoạt động thường xuyên của các Công ty gặp nhiều khó khăn, có đơn vị như Công ty Thủy lợi sông Tích còn nợ bảo hiểm xã hội lên đến 2,2 tỷ đồng nhưng không có nguồn kinh phí để chi trả.

- Mức lương bình quân của người lao động trong các doanh nghiệp thủy lợi còn rất thấp, bình quân chỉ đạt khoảng 4 triệu đồng/lao động, không đảm bảo mức lương tối thiểu vùng theo quy định của luật. Từ những khó khăn đó nên người lao động, đặc biệt là những người có trình độ có xu hướng xin thôi việc, gây khó khăn cho các Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Do khó khăn về kinh phí nên các Công ty chưa thể thực hiện việc hiện đại hóa, cơ giới hóa vào hoạt động sản xuất, bên cạnh đó lại kéo theo số lượng người lao động đông, chất lượng không đồng đều, địa bàn phục vụ sản xuất rộng nên hoạt động của các Công ty gặp rất nhiều khó khăn.

Phụ lục số 07

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

(Kèm theo báo cáo số 24 /BC-HĐND ngày 28 /6/2019

của Thường trực HĐND Thành phố)



I. KHỎI SỞ, NGÀNH

1. Đề nghị Thành ủy, UBND Thành phố quan tâm, tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng đối với các cán bộ diện quy hoạch lãnh đạo Sở, được tăng cường bồi dưỡng về trình độ quản lý, trình độ ngoại ngữ và cử tham gia các khóa đào tạo tại nước ngoài. Đối với đội ngũ cán bộ trưởng phòng, phó trưởng phòng trong diện quy hoạch, trực tiếp làm công tác chuyên môn, cần được đào tạo nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ để trở thành các chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực chuyên môn được giao (*Sở Thông tin và Truyền thông*)

2. Đề nghị HĐND Thành phố xem xét, bổ sung thêm biên chế công chức cho lực lượng Thanh tra Sở GTVT Hà Nội theo Quyết định số 321/QĐ-TTg để đảm bảo quân số thực hiện các nhiệm vụ được giao (*Sở Giao thông vận tải*)

3. Đề nghị UBND Thành phố xem xét chủ trương về việc thành lập Trung tâm quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội thuộc Sở Giao thông vận tải trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm quản lý và điều hành giao thông đô thị. (Sở Giao thông vận tải)

4. Đề nghị UBND Thành phố sớm ban hành quy định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp phó đơn vị sự nghiệp trực thuộc, cấp trưởng, cấp phó phòng nghiệp vụ của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở. (*Sở Giao thông vận tải*)

5. Đề nghị Thành phố quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất và nguồn lực cho hệ thống cơ quan hành chính nhà nước của Thành phố đảm bảo giải quyết công việc cho người dân (từ trụ sở, thiết bị, cơ sở dữ liệu đến nhân lực) thống nhất trong toàn Thành phố. Thực hiện phát triển các mô hình cơ quan hành chính kiểu mẫu trong giải quyết TTHC. (*Sở Kế hoạch và Đầu tư*)

6. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế đặc thù bổ sung nguồn thu nhập cho cán bộ, công chức để phát huy được tính sáng tạo, năng suất, chất lượng và hiệu quả cao trong lao động (đây là yếu tố quan trọng để bảo đảm đời sống cho cán bộ góp phần nâng cao hiệu quả thực thi công vụ, giảm phiền hà, tiêu cực). (*Sở Kế hoạch và Đầu tư*)

7. Chỉ đạo các Sở, Ban, ngành của Thành phố nâng cao chất lượng công tác phối hợp giải quyết TTHC liên thông (việc tham gia ý kiến thẩm định dự án đảm bảo chất lượng, rõ ràng và đảm bảo thời gian theo quy định của pháp luật). Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cải cách hành chính và thời gian giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính trên địa bàn Thành phố, đặc biệt là các cơ quan có thủ tục hành chính liên thông; có chế tài xử lý và xem xét đánh giá thi đua cuối năm đối với các đơn vị chưa chấp hành tốt chế độ báo cáo định kỳ. (*Sở Kế hoạch và Đầu tư*)

8. Đề nghị sửa đổi Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy công

chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố Hà Nội và Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính thuộc Thành phố Hà Nội cho phù hợp với Quy định số 03-QĐ/TU ngày 12/10/2018 của Thành ủy Hà Nội. **(Sở Lao động Thương binh và Xã hội)**

9. Đề nghị Thành phố thực hiện phân cấp, phân quyền hơn nữa cho các sở, ban, ngành trong công tác cán bộ. **(Sở Lao động Thương binh và Xã hội)**

10. Đề nghị Thành phố phê duyệt chủ trương tuyển dụng viên chức **(Sở Lao động Thương binh và Xã hội)**

11. Đề xuất có cơ chế tuyển dụng đối với các trường hợp có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc vì đặc thù của cơ quan, đồng thời được bổ sung thêm chỉ tiêu biên chế theo thực tế của Sở, phát triển với tốc độ phát triển đô thị hiện nay của Thủ đô. **(Sở Quy hoạch kiến trúc)**

12. Thông qua đề xuất cho phép lồng ghép các nội dung về chung cư cũ (cơ chế, chính sách, chỉ tiêu về tầng cao, dân số quy hoạch...) để báo cáo Bộ Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo. Tăng cường nguồn lực lập quy hoạch, làm cơ sở để quản lý đầu tư xây dựng đô thị theo quy hoạch, tạo dựng bộ mặt đô thị. **(Sở Quy hoạch kiến trúc)**

13. Đề nghị UBND Thành phố chỉ đạo các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã tăng cường trách nhiệm trong công tác phối hợp với Sở trong giải quyết công việc liên thông để triển khai cụ thể hóa quy hoạch chung, quy hoạch phân khu được phê duyệt, làm tốt công tác quản lý đô thị, kiểm soát việc thực hiện đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch. Tổ chức lấy ý kiến đúng thời gian, thành phần, đối tượng trong việc lấy ý kiến tham gia của cộng đồng. **(Sở Quy hoạch kiến trúc)**

14. Chỉ đạo các sở, ngành khẩn trương xây dựng, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, xuyên suốt, chuyên sâu theo lĩnh vực từ đất đai - quy hoạch - kiến trúc - đầu tư xây dựng - quản lý khai thác, đáp ứng được yêu cầu của Thành phố, các sở ngành, địa phương phục vụ công tác quản lý quy hoạch kiến trúc, đầu tư xây dựng. **(Sở Quy hoạch kiến trúc)**

15. Chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương tiến hành rà soát các đồ án, dự án, quỹ đất, hiện trạng sử dụng đất đai để làm cơ sở tiến hành điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô trong năm 2019 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. **(Sở Quy hoạch kiến trúc)**

16. Thành phố có chỉ đạo về xử lý các công trình vi phạm trật tự xây dựng sau khi đã xử phạt hành chính. **(Sở Quy hoạch kiến trúc)**

17. Đề nghị Thành phố tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị của Thành phố tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện ứng dụng chữ ký điện tử; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, quy định cơ chế phối hợp, phân quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu để phục công tác tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, nhất là các sở, ngành được giao tổng hợp, góp phần giảm thiểu thời gian, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu của các đơn vị, phục vụ tốt cho người dân và doanh nghiệp. **(Sở Tài chính)**

18. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đánh giá cán bộ hằng tháng; tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Quy định số 3814-QĐ/TU, ngày 16/5/2018 của Thành ủy; gắn kết quả đánh giá hằng tháng khi xem xét, đánh giá cán bộ cuối năm gắn với công tác thi đua, khen thưởng, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị. **(Sở Tài chính)**

19. Đề nghị Thành phố quan tâm, bố trí, bổ sung thêm nguồn nhân lực cho Sở Tài chính đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc và phù hợp với Đề án vị trí việc làm. **(Sở Tài chính)**

20. Đề nghị Thành phố kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương: Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan để đảm bảo thực hiện đồng bộ, thống nhất **(Sở Tài nguyên và Môi trường)**

21. Nghiên cứu cho phép thành lập bộ phận Thanh tra môi trường theo Quyết định 1169/QĐ-TTg ngày 10/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý môi trường từ Trung ương đến địa phương giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030. **(Sở Tài nguyên và Môi trường)**

22. Cho phép chuyển các Chi bộ Đảng tại các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đang trực thuộc Đảng bộ quận, huyện, thị xã về Đảng bộ bộ phận Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội trực thuộc Đảng bộ Sở Tài nguyên và Môi trường để đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo xuyên suốt về công tác đảng gắn với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ chính trị của ngành. Cho phép thực hiện Đề án kiện toàn các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận, huyện, thị xã thành các Chi nhánh Khu vực trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội. Đồng thời được thực hiện mô hình tự chủ, bao gồm cả việc bố trí tuyển chọn cán bộ, viên chức làm việc theo vị trí việc làm đã được UBND Thành phố phê duyệt và xây dựng phương án giá dịch vụ tiến tới tự chủ toàn bộ cả về đầu tư. **(Sở Tài nguyên và Môi trường)**

23. Đề nghị bỏ Chi cục Quản lý đất đai Hà Nội (gồm 04 Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất; Đăng ký thống kê đất đai, Kinh tế đất, Hành chính - Tổng hợp) và giữ nguyên 03 Phòng chuyên môn Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Đăng ký thống kê đất đai, Kinh tế đất trực thuộc Sở như trước đây sẽ giảm đầu mối trung gian, đảm bảo sự tập trung, thông suốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Sở **(Sở Tài nguyên và Môi trường)**

24. Quan tâm tăng biên chế cán bộ môi trường cấp huyện; bổ sung chức danh vị trí việc làm cán bộ chuyên trách quản lý môi trường xã, phường, thị trấn và tăng hệ số lương cho lực lượng cán bộ này. **(Sở Tài nguyên và Môi trường)**

25. Quan tâm bổ sung chỉ tiêu biên chế khối hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường, do bổ sung chức năng nhiệm vụ quản lý về: Khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, xác định giá đất và nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư... **(Sở Tài nguyên và Môi trường)**

26. Đề nghị Thành phố kiến nghị Bộ Nội vụ xem xét đối với những trường hợp đề nghị tinh giản biên chế do mắc bệnh hiểm nghèo chỉ cần trình hồ sơ bệnh

án của bệnh viện; mở rộng trường hợp tinh giản biên chế diện dôi dư đối với những đối tượng lao động nghệ thuật hết tuổi nghề. (*Sở Văn hóa và Thể thao*)

27. Đề nghị Thành phố kiến nghị với các bộ ngành liên quan xem xét giảm tuổi nghỉ hưu đối với đối tượng lao động nghệ thuật trong các đơn vị nghệ thuật do đặc thù tuổi lao động nghệ thuật ngắn.- Với quy định tuổi nghỉ hưu hiện nay (nam 60; nữ 55) rất khó khăn cho các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp khi tuyển dụng diễn viên vì tuổi làm nghề ngắn so với tuổi nghỉ hưu. (*Sở Văn hóa và Thể thao*)

28. Về tuyển dụng viên chức, đề nghị Thành phố phê duyệt kế hoạch tuyển dụng đặc đối với nghệ sỹ, diễn viên, vận động viên đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lĩnh vực văn hóa, thể thao năm 2019. (*Sở Văn hóa và Thể thao*)

29. Về quản lý, sử dụng biên chế: Đề nghị bổ sung biên chế cho một số đơn vị sự nghiệp thuộc Sở (như Ban Quản lý Di tích Danh thắng Hà Nội) được Thành phố, Sở giao bổ sung nhiệm vụ (quản lý khu vực Vườn hoa Lý Thái Thái Tổ, Con đường gốm sứ, quản lý các di tích cách mạng) nhưng không được giao bổ sung thêm biên chế nên có khăn trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. (*Sở Văn hóa và Thể thao*)

30. Đề nghị UBND thành phố xem xét, bổ sung thêm các chế độ chính sách nhằm tăng cường thu hút bác sỹ và cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tuyến y tế cơ sở. (*Sở Y tế*)

31. Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ tại các đơn vị trong ngành y tế; Tiếp nhận các phần mềm dùng chung của UBND Thành phố về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để thống nhất trong toàn hệ thống chính trị; Phân cấp quản lý người sử dụng và quyền được khai thác ứng dụng phần mềm một cách chặt chẽ, đảm bảo tính bảo mật của hồ sơ cá nhân theo đúng quy định của pháp luật hiện hành (*Sở Y tế*)

32. Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư thay thế thông tư số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. (*Sở Tư pháp*)

33. Cho phép Sở Tư pháp thành lập Trung tâm CNTT và CSDL Tư pháp theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 13/08/2015 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội. Theo đó Sở Tư pháp đề xuất được sắp xếp lại bộ máy, chuyển chức năng, nhiệm vụ của Phòng Lý lịch tư pháp sang Trung tâm để thực hiện, giúp Sở có thêm nguồn công chức để bố trí thực hiện những nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Sở, đồng thời sử dụng biên chế viên chức được giao làm nhiệm vụ công tác Lý lịch tư pháp đáp ứng tốt hơn nhu cầu của công dân và nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp của ngành (không làm tăng thêm về tổ chức bộ máy và biên chế) (*Sở Tư pháp*)

34. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu, thực hiện cắt giảm, chuẩn hóa TTHC, để phục vụ ngày càng tốt hơn yêu cầu của tổ chức, công dân và cơ quan

thực hiện. *(Sở Tư pháp, Sở Du lịch)*

35. Đề nghị UBND Thành phố chỉ đạo các sở, ngành liên quan sớm hoàn thiện, trình Thành phố Dự thảo các văn bản hướng dẫn về công tác quản lý cán bộ, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử bảo phù hợp với các quy định của Thành ủy và pháp luật liên quan *(Sở Tư pháp)*

36. Xem xét kiện toàn, bổ sung nhân sự Lãnh đạo Sở Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Thủ đô. Chỉ đạo các địa phương cân đối nguồn nhân lực, bố trí, sắp xếp biên chế theo dõi du lịch tại trọng điểm về phát triển du lịch trên địa bàn Thành phố. *(Sở Du lịch)*

37. Tiếp tục hướng dẫn Sở trong công tác sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả. *(Sở Du lịch)*

38. Hỗ trợ, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT để hệ thống phần mềm một cửa vận hành thông suốt, nhanh chóng và đảm bảo tính liên thông giữa các cơ quan, đơn vị phục vụ triển khai dịch vụ công mức độ 3, 4 đạt hiệu quả cao. *(Sở Du lịch)*

39. Đề nghị Thành ủy nghiên cứu xây dựng và triển khai sớm áp dụng Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý tổ chức bộ máy, biên chế thống nhất trong toàn hệ thống chính trị”. *(Sở Du lịch)*

40. Đề nghị Thành phố hợp nhất 2 đơn vị sự nghiệp là Ban Quản lý công trình phân lũ sông Đáy và Ban quản lý dịch vụ Thủy lợi, thành Ban Quản lý công trình thủy lợi trực thuộc Sở; Giữ nguyên Chi cục Thủy lợi và Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão, trực thuộc Sở như hiện nay. *(Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

41. UBND thành phố cần sớm ban hành Quyết định phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của các đơn vị sự nghiệp; phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức. *(Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

42. Kiến nghị Thành ủy, UBND Thành phố sớm xây dựng và triển khai áp dụng văn phòng điện tử cho các Sở, Ban, Ngành trực thuộc nhằm giảm tải các bước trong công tác đánh giá cán bộ hàng tháng cũng như đảm bảo tính khách quan, công bằng, dân chủ, công khai đối với việc đánh giá cán bộ, công chức. *(Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

43. Đề nghị Thành phố giữ nguyên chỉ tiêu biên chế của Khối Văn phòng Sở trong những năm tiếp theo. Lý do, Dự kiến từ nay đến hết năm 2021, Sở Công thương đề nghị Thành phố tuyển mới không quá 50% tổng công chức nghỉ hưu thì so với biên chế 2015 vẫn đảm bảo tỷ lệ tinh giản đảm bảo giảm 10% theo quy định. *(Sở Công thương)*

44. Đề nghị Thành phố ban hành hướng dẫn về mã số chức danh nghề nghiệp cho viên chức của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở khi chưa có Thông tư liên tịch của Bộ Nội vụ và Bộ chuyên ngành. *(Sở Công thương)*

45. Đề nghị UBND Thành phố đẩy nhanh tiến độ xây dựng các phần mềm dùng chung và các dịch vụ công mức 3, 4 để đáp ứng được kế hoạch của Sở đã xây dựng. *(Sở Công thương)*

46. Đề nghị Sở Tài chính tham mưu UBND TP cấp kinh phí đào tạo, tập huấn hàng năm cho các Sở không nằm trong kinh phí chi thường xuyên được cấp hàng năm. **(Sở Công thương)**

47. Sớm tham mưu với Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực GDĐT; Xây dựng và trình Chính phủ ban hành quy định về mức thu học phí đối với loại hình các cơ sở giáo dục công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (không phải là cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) **(Sở Giáo dục và Đào tạo)**

48. Hướng dẫn chuyển đổi mô hình các cơ sở giáo dục mầm non, THPT từ công lập ra ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa cao làm cơ sở cho địa phương hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết 19-NQ/TW **(Sở Giáo dục và Đào tạo)**

49. Sớm có văn bản hướng dẫn địa phương xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá đối với các dịch vụ sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực GDĐT. **(Sở Giáo dục và Đào tạo)**

50. Đề nghị Thành phố phê duyệt “Điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới trường học trên địa bàn Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” nhằm đáp ứng đủ trường lớp và nhu cầu học tập của con em trên địa bàn Thành phố. Phấn đấu đến năm 2030, mỗi quận, huyện có 01 trường học được xây dựng theo hướng chuẩn, hiện đại, đạt diện tích từ 4-5 ha. **(Sở Giáo dục và Đào tạo)**

51. Đề nghị UBND Thành phố sớm ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung: Bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các đơn vị trực thuộc Sở theo đúng quy định tại Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ về việc quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; ký hợp đồng đối với giáo viên, nhân viên còn thiếu trong thời gian chờ tuyển dụng để thống nhất thực hiện trên toàn Thành phố; tham mưu, đề xuất Chính phủ tiếp tục cho phép tuyển dụng hoặc có cơ chế thuê hợp đồng đối với nhân viên y tế và kế toán trong các cơ sở giáo dục. **(Sở Giáo dục và Đào tạo)**

52. Đề nghị HĐND, UBND Thành phố xem xét giao chỉ tiêu LĐHĐ theo NĐ68 đối với các cơ sở giáo dục đủ về số lượng để tạo thuận lợi các đơn vị thực hiện việc bố trí, sử dụng lao động theo đúng quy định của Luật Lao động. **(Sở Giáo dục và Đào tạo)**

53. Nghiên cứu, đề xuất với cấp có thẩm quyền tiếp tục điều chỉnh về tiền lương và các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, giúp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo được cuộc sống và yên tâm công tác. **(Sở Xây dựng)**

54. Tiếp tục có những chính sách đãi ngộ thích đáng để có thể thu hút nhân tài vào làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố. Tiếp tục tổ chức tuyển dụng công chức hàng năm, tạo điều kiện để các cơ quan, đơn vị tuyển được công chức, tránh tình trạng ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn. Hoàn thành lộ trình chấm dứt hợp đồng lao động theo Phương án số 05/PA-SXD ngày 19/9/2018 của Sở Xây dựng Hà Nội. **(Sở Xây dựng)**

55. Ban hành quy định hướng dẫn cụ thể trong việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hàng năm trên cơ sở tổng hợp kết quả thực hiện đánh giá

cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hàng tháng theo Quyết định 3814-QĐ/TU ngày 16/5/2018 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội. *(Sở Xây dựng)*

56. Đề tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, đặc biệt là cán bộ trẻ đang giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc đang trong diện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý được tham gia đào tạo Cao cấp lý luận chính trị - Hành chính, nâng cao lý luận chính trị, phục vụ tốt trong công tác; Sở Xây dựng Hà Nội kính đề nghị Thành ủy, UBND Thành phố xem xét, đề nghị cấp trên điều chỉnh lại tiêu chuẩn về độ tuổi để được đào tạo Cao cấp lý luận chính trị (theo hướng giảm độ tuổi) như quy định hiện nay. *(Sở Xây dựng)*

57. Tiếp tục quan tâm mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho công chức, viên chức, trong đó đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, đảm bảo phù hợp về tiêu chuẩn, đối tượng và thời gian dự học. Đặc biệt đối với những lớp ngắn hạn, nên tổ chức vào Thứ 7, Chủ nhật để tạo điều kiện cho cán bộ, công chức được cử đi học đảm bảo thời gian học tập và hoàn thành nhiệm vụ được phân công tại cơ quan. *(Sở Xây dựng)*

II. CÁC BAN QUẢN LÝ, CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

1. Đề nghị UBND Thành phố nghiên cứu, xem xét hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách tự nguyện tinh giản biên chế đối với các đối tượng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên *(Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố)*

2. Đề nghị UBND Thành phố cho phép Ban xây dựng và thực hiện tuyển dụng viên chức năm 2019. *(Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố)*

3. Đề nghị UBND Thành phố xem xét, giao thêm các dự án thuộc lĩnh vực giao thông cho Ban quản lý để có nguồn kinh phí hoạt động; đồng thời phát huy hiệu quả của chủ trương thành lập các Ban quản lý dự án chuyên ngành của Thành phố. *(Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố)*

4. Đề nghị UBND Thành phố tiếp tục tạo điều kiện phân bổ chỉ tiêu, bố trí ngân sách cho cán bộ công chức, viên chức của Ban QLDA được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về Lý luận chính trị, quản lý Nhà nước; về kỹ năng quản lý, lãnh đạo và các lớp, chương trình đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý dự án (đấu thầu, giám sát, định giá xây dựng, quản lý dự án PPP...). *(Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn)*

5. Ban QLDA đã xây dựng phương án thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính, báo cáo Sở Nội vụ Hà Nội. Đề nghị các sở, ngành liên quan, báo cáo, tham mưu UBND Thành phố xem xét, bổ sung cho Ban các dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn để có nguồn thu cho đơn vị hoạt động, không phải tự thực hiện công tác giám sát để tăng cường quản lý chất lượng thi công công trình. Vào thời điểm Ban QLDA được thành lập, các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội trước khi sáp nhập đã trích hết phần chi phí quản lý dự án đối với các dự án bàn giao cho Ban. Do vậy, đơn vị không đủ nguồn chi hoạt động và trả lương cho người lao động, phải đề nghị Thành phố tạm ứng 6,3 tỷ đồng. Để có nguồn chi hệ số thu nhập tăng thêm, cải thiện đời sống cho người lao động, Ban QLDA đề nghị UBND

Thành phố hỗ trợ chính thức cho đơn vị khoản tạm ứng này. *(Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn)*

6. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, quản lý nhà nước, công tác quản lý dự án, kỹ năng lãnh đạo, quản lý đối với đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ đã được quy hoạch vào các chức danh quản lý giai đoạn 2017 - 2020, 2021 - 2026. *(Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Văn hóa Xã hội thành phố)*

7. Ban quản lý dự án kính đề nghị HĐND, UBND Thành phố cho phép Ban quản lý dự án tuyển dụng số lượng viên chức còn thiếu vào làm việc tại Ban đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. *(Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Văn hóa Xã hội thành phố)*

8. UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo các Sở, Ngành, địa phương tăng cường phối hợp giúp đỡ Ban tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ, giải quyết các thủ tục của các dự án: công tác quy hoạch, công tác chuẩn bị đầu tư, công tác thẩm định, phê duyệt... *(Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Văn hóa Xã hội thành phố)*

9. Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ phụ trách thực hiện nắm rõ nhiệm vụ, ý nghĩa chủ đề công tác của từng năm để tham mưu, phổ biến, triển khai thực hiện đúng theo quy định *(Ban quản lý cấp nước, thoát nước và môi trường Thành phố)*

10. Có thêm các văn bản hướng dẫn cụ thể; Xem xét, tăng cường phân cấp và tăng tính chủ động cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên, đặc biệt là trong quản lý biên chế, tài chính, tài sản. *(Ban quản lý cấp nước, thoát nước và môi trường Thành phố)*

11. Để đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ được UBND Thành phố giao và hiệu quả hoạt động của Ban quản lý dự án, Ban quản lý dự án đề nghị Sở Nội vụ: Có văn bản hướng dẫn cụ thể Báo cáo UBND Thành phố sớm có Kế hoạch tuyển dụng viên chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố để đơn vị có cơ sở xây dựng kế hoạch và phương án tuyển dụng viên chức theo Đề án vị trí việc làm và đảm bảo biên chế cho đơn vị; Phối hợp với các ban quản lý dự án chuyên ngành rà soát, đề xuất cơ chế đặc thù để thu hút, giữ chân người giỏi; Xem xét, có cơ chế, chính sách phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích việc tự nguyện tinh giản biên chế. *(Ban quản lý cấp nước, thoát nước và môi trường Thành phố)*

12. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội hiện nay đang có một số lao động hợp đồng hỗ trợ công tác chuyên môn, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm nhiều năm, phù hợp với vị trí việc làm của Ban. Đề nghị UBND Thành phố sớm có chủ trương xét tuyển viên chức để đảm bảo quyền lợi của người lao động và tạo điều kiện để Ban có bộ máy cán bộ, viên chức đáp ứng được nhiệm vụ được giao. *(Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố)*

13. Đề xuất Thành phố giao Sở Nội Vụ cho triển khai phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ tại Ban. *(Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố)*

14. Thực hiện Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND Thành phố Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động của các khu công nghiệp, khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố, Các Sở, ngành phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Ban Quản lý nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp công tác quản lý sau đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các KCN trên địa bàn Thành phố để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tham mưu hiệu quả các chủ trương của Thành phố. *(Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất)*

15. Các Bộ ngành quan tâm phối hợp với Ban Quản lý trong giải quyết các thủ tục hành chính khi phải xin ý kiến của các Bộ, Sở ngành liên quan cần nêu rõ thời gian giải quyết, trả lời và đúng thời hạn để có đầy đủ căn cứ giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính. *(Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất)*

16. Sở Thông tin truyền thông chỉ đạo Trung tâm dữ liệu điều chỉnh, duy trì kỹ thuật đảm bảo tốc độ xử lý, đường truyền Internet ổn định đáp ứng các hoạt động dịch vụ công cấp độ 3, tiến tới thực hiện dịch vụ công cấp độ 4, đơn đốc đơn vị tư vấn, tiếp tục khẩn trương công tác triển khai các nhiệm vụ nâng cấp, hoàn thiện phần mềm một cửa dùng chung đối với 41 TTHC của Ban Quản lý đã được Thành phố phê duyệt tại văn bản số 1703/UBND-KGVX. *(Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất)*

17. Đề nghị UBND Thành phố giao Sở Nội vụ tiếp tục hướng dẫn, phối hợp với Quỹ Đầu tư trong triển khai thực hiện Đề án vị trí làm. *(Quỹ Đầu tư và Phát triển TP)*

III. Kiến nghị chung của các Công ty Thủy lợi

1. Đề nghị UBND Thành phố xem xét quy định về phân cấp quản lý công trình thủy lợi để đảm bảo phù hợp với Luật Thủy lợi năm 2017. Đề nghị cho phép các huyện, thị sử dụng ngân sách của huyện để đầu tư nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi, đặc biệt là các công trình phục vụ chống úng, hạn, sự cố thiên tai.

2. Đề nghị UBND Thành phố hỗ trợ kinh phí sửa chữa cho phần diện tích nhận bàn giao từ các địa phương đã xuống cấp về theo Quyết định 41/2016/QĐ-UBND để đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh xã hội trong tình hình hiện nay.

3. Đề nghị UBND Thành phố chỉ đạo UBND các huyện phối hợp chặt chẽ với các Công ty trong việc thực hiện xử lý các vi phạm về công trình thủy lợi, phối hợp để hoàn thiện việc tiếp nhận, bàn giao các công trình thủy lợi.

4. Đề nghị UBND Thành phố đổi mới trong công tác đặt hàng, hàng năm phê duyệt đặt hàng dịch vụ thủy lợi với các Công ty cuối năm của năm trước kế hoạch để các Công ty có kinh phí hoạt động liên tục; có cơ chế nghiệm thu, thanh toán đối với phần diện tích đất nông nghiệp người dân bỏ hoang, không thể giao cấy; xem xét cho áp dụng thống nhất một đơn giá theo quyết định số 6684/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND Thành phố đối với phần diện tích nhận bàn giao theo Quyết định 41/2016/QĐ-UBND.

5. Đề nghị UBND Thành phố xem xét cấp bổ sung kinh phí tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho người lao động đảm bảo theo cơ chế chính sách về mức lương cơ sở hiện nay.



TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA UBND CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ

(Kèm theo báo cáo số 24 /BC-HĐND ngày 28 /6/2019

của Thường trực HĐND Thành phố)

1. Đề nghị Trung ương xây dựng cơ chế, chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức thay đổi phù hợp với chế độ làm việc hiện nay, để thu hút được cán bộ có trình độ năng lực từ ngoài xã hội vào cơ quan hành chính nhà nước, tạo điều kiện đảm bảo đời sống, khuyến khích đội ngũ công chức nâng cao tinh thần trách nhiệm thực hiện công vụ. **(Ba Đình, Hoàn Kiếm, Ứng Hòa, Chương Mỹ)**

2. Đề nghị Chính phủ, các bộ ngành liên quan nghiên cứu, bổ sung: điều kiện, tiêu chuẩn thực hiện tinh giản biên chế tại Điều 6, Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/1/2014 về chính sách tinh giản biên chế, cụ thể: CBCCV, lao động hợp đồng theo Nghị định 68 có đủ số năm công tác theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và từ đủ 50 tuổi trở lên (đối với nữ) hoặc từ đủ 55 tuổi trở lên (đối với nam) có nhu cầu tinh giản biên chế theo Nghị định 108 thì được xem xét giải quyết. Đề nghị thực hiện tinh giản biên chế khi cá nhân có đơn tự nguyện xin tinh giản biên chế và khắc phục những bất cập của các văn bản pháp luật liên quan đến tinh giản biên chế. **(Long Biên, Hà Đông, Thanh Oai)**

3. Đề nghị Bộ Nội vụ có hướng dẫn thực hiện luân chuyển các chức danh theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2007/NĐ-CP, để đơn vị cơ sở triển khai thực hiện hiệu quả **(Sóc Sơn)**

4. Đề nghị Chính phủ, Bộ nội vụ mở rộng điều kiện đối với người lao động có trên 20 năm đóng BHXH bắt buộc có nhu cầu được xem xét nghỉ tinh giản biên chế để tránh gánh nặng cho cơ quan, đơn vị **(Đống Đa)**

5. Đề nghị Thành phố kiến nghị với Chính phủ phân cấp mạnh mẽ hơn nữa cho địa phương từ quận đến phường trong giải quyết thủ tục hành chính, nhất là các TTHC liên quan đến đời sống dân sinh, chế độ chính sách, giải quyết các công việc thiết yếu hàng ngày của người dân. Giảm các thủ tục hành chính liên thông nhiều cấp. Đảm bảo thuận tiện nhất cho người dân **(Hai Bà Trưng)**

6. Đề nghị Thành phố kiến nghị với Bộ Nội vụ sớm ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ liên quan đến quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp huyện, thống nhất mô hình tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp huyện trên phạm vi toàn quốc **(Cầu Giấy)**

7. Đề nghị UBND Thành phố giữ nguyên biên chế được giao đối với khối hành chính để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay; đồng thời xem xét bổ sung biên chế khối quản lý nhà nước cho cấp quận, huyện do thay đổi quy định về tổ chức bộ máy theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương; đồng thời giao chỉ tiêu biên chế cho các đơn vị phù hợp với khối lượng công việc và bố trí định mức lao động khi biên chế chưa sử dụng hết và chưa thể

tuyển dụng kịp thời biên chế để đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. **(Ba Đình, Gia Lâm, Hoàn Kiếm, Long Biên, Sóc Sơn, Phú Xuyên)**

8. Đề nghị UBND Thành phố phân bổ chỉ tiêu biên chế đơn vị sự nghiệp hàng năm như phân bổ biên chế khối cơ quan hành chính để thuận lợi trong công tác quản lý. Đổi mới cơ chế giao biên chế và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục. **(Thanh Xuân, Ứng Hòa)**

9. Đề nghị UBND Thành phố phân cấp cho cấp quận được chủ động điều động, luân chuyển đối với các trường hợp là công chức cơ sở, viên chức có kinh nghiệm trên 05 năm phù hợp với vị trí việc làm về làm việc tại các phòng chuyên môn của UBND quận (vẫn giữ nguyên ngạch công chức cơ sở, viên chức) **(Thanh Xuân)**

10. Đề nghị UBND Thành phố xem xét cơ chế đặc thù đối với các phường loại 2, 3 (tăng thêm số lượng Phó Chủ tịch UBND lên 2 đồng chí) để đảm bảo việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ phân cấp phù hợp với chính quyền đô thị của đô thị trung tâm **(Ba Đình)**

11. Đề nghị UBND Thành phố đề xuất với các cấp có thẩm quyền tiếp tục thực hiện việc tuyển dụng bổ sung 2 vị trí nhân viên kế toán, nhân viên y tế đối với ngành giáo dục (dùng tuyển dụng từ năm 2014) để tạo sự ổn định và động viên người lao động yên tâm công tác. **(Ba Đình)**

12. Đề nghị Thành phố khi xây dựng kế hoạch biên chế hành chính hàng năm thì căn cứ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu thực tế các đơn vị đề xuất để đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc **(Hai Bà Trưng, Bắc Từ Liêm)**

13. Đề nghị Thành phố đẩy mạnh phân cấp công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức cho cấp quận, huyện và xây dựng cơ cấu tiêu chuẩn chức danh đối với từng vị trí công chức trong các phòng, ban chuyên môn để cấp quận, huyện xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cho phù hợp **(Cầu Giấy)**

14. Đề nghị Thành phố sớm ban hành quy chế bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý để đảm bảo phù hợp với Quy định số 03-QĐ/TU của Thành ủy Hà Nội ngày 12/10/2018 về việc phân cấp quản lý cán bộ, bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử **(thị xã Sơn Tây)**

15. Đề nghị Thành phố nghiên cứu và sớm ban hành tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, làm cơ sở cho việc thi tuyển viên chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Đồng thời tổ chức thi nâng ngạch cho giáo viên **(Cầu Giấy)**

16. Đề nghị Thành phố xem xét bổ sung biên chế công chức cho các đơn vị thuộc UBND quận, huyện đảm bảo công tác cân đối, điều hòa chỉ tiêu biên chế giữa quận huyện để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ **(Cầu Giấy, Nam Từ Liêm, Chương Mỹ)**

17. Đề nghị Thành phố có hướng dẫn cụ thể về công tác khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính; đồng thời xác định mức khoán phù hợp với công tác cải cách tiền lương, cải cách hành chính, đáp ứng nhu cầu tối thiểu của công chức **(Cầu Giấy)**

18. Đề nghị Thành phố giao chỉ tiêu biên chế khối giáo dục theo năm học (tháng 7, 8) để kịp phục vụ năm học mới **(thị xã Sơn Tây, Thạch Thất)**

19. Đề nghị Thành phố xem xét, điều chỉnh cơ chế hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng được tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/NĐ-Cp, Nghị định 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ và đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 26/NĐ-CP (*Thường Tín, Đông Anh*)

20. Đề nghị thành phố xem xét có cơ chế đặc thù, ưu tiên nguồn vốn xây dựng trụ sở làm việc cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đối với các xã đã bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở làm việc, vì: nhiều xã, thị trấn hiện nay chưa đáp ứng theo yêu cầu về CCHC; đồng thời có cơ chế đầu tư trang thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của huyện và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện (*Ba Vì, Thường Tín*)

21. Đề nghị UBND Thành phố có hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và việc sắp xếp tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của UBND thành phố Hà Nội. Sớm ban hành quyết định sửa đổi quyết định 07/2016/QĐ-UBND ngày 8/3/2016 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thành phố Hà Nội. (*Ba Đình, Gia Lâm, Sóc Sơn, Đan Phượng*)

22. Đề nghị UBND Thành phố nghiên cứu, có quy định chung về mô hình, cơ cấu tổ chức của Bộ phận “một cửa” cấp quận, phường (như số lượng công chức làm việc tại Bộ phận “một cửa”, các yêu cầu cụ thể về tiêu chuẩn chức danh công chức một cửa, quy định công chức tiếp nhận hồ sơ theo nhóm thủ tục hành chính) để thống nhất thực hiện trên địa bàn toàn thành phố. (*Tây Hồ*).

23. Đề nghị UBND Thành phố thường xuyên cập nhật, bổ sung, thay đổi về TTHC theo quy định trên cổng thông tin điện tử để có sự thống nhất thực hiện, áp dụng đồng bộ giữa các quy định của pháp luật với việc thông báo công khai của các cấp chính quyền để người dân thực hiện; tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống phần mềm điện tử dùng chung 3 cấp của Thành phố, thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, tổ chức khi thực hiện giao dịch hành chính và cán bộ, công chức khi giải quyết hồ sơ hành chính. (*Ba Đình, Hoàng Mai, Sóc Sơn*)

24. Đề nghị UBND Thành phố xây dựng và công bố quy định giải quyết thủ tục hành chính liên thông từ cấp phường, quận đến các Sở, Ngành thành phố đối với các thủ tục hành chính liên quan đến chế độ chính sách người có công, bảo trợ xã hội. (*Tây Hồ*)

25. Đề nghị Thành phố rà soát, công bố bộ TTHC thống nhất chung của toàn Thành phố bao gồm bộ TTHC của các sở ngành, bộ TTHC cấp huyện và cấp xã (*Hai Bà Trưng, Hoài Đức*)

26. Đề nghị Thành phố xem xét, có phương án triển khai đồng bộ ứng dụng CNTT theo mô hình dùng chung đồng thời sớm ban hành khung kiến trúc chính quyền điện tử của Thành phố (*Nam Từ Liêm, Ba Vì*)

27. Với mô hình quản lý cấp quận, đề nghị Thành phố giới thiệu, đào tạo mô hình tổng thể của Thành phố và hướng dẫn, cung cấp cho các quận mô hình chính quyền điện tử cấp quận (*Nam Từ Liêm*)

28. Đề nghị Thành phố nghiên cứu, phát triển thêm một số tiện ích trên phần mềm một cửa điện tử dùng chung 3 cấp, xây dựng các module hướng dẫn thủ tục hành chính, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính (tra cứu qua website, qua máy quét mã vạch, đánh giá sự hài lòng của tổ chức, công dân; phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin của tổ chức, công dân *(Nam Từ Liêm)*

29. Đề nghị UBND Thành phố triển khai phần mềm ứng dụng đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hằng tháng để thuận tiện cho quá trình tổng hợp, đánh giá đảm bảo khách quan, công tâm, minh bạch, phát huy năng lực của từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đồng thời nghiên cứu, ủy quyền cho đơn vị cấp huyện thực hiện nâng lương thường xuyên và trước hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I để đơn vị chủ động thực hiện và đảm bảo quyền lợi cho viên chức được kịp thời. *(Sóc Sơn)*.

30. Đề nghị UBND Thành phố giao bổ sung biên chế nhân viên công nghệ thông tin đối với các trường học để đáp ứng nhu cầu xây dựng trường học điện tử nhằm hiện đại hóa giáo dục. *(Gia Lâm)*

31. Đề nghị UBND Thành phố đẩy mạnh xã hội hoá các đơn vị sự nghiệp công lập, phân cấp mạnh hơn nữa, giao quyền tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của UBND thành phố. Từ đó, tiến tới tự chủ chi thường xuyên và tự chủ hoàn toàn, hoạt động như doanh nghiệp. Việc phân cấp thẩm quyền quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập phải được thực hiện theo điều kiện, quy trình, thủ tục rõ ràng và gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Từng bước xã hội hóa các dịch vụ công của cấp quận. *(Hà Đông)*

32. Đề nghị UBND Thành phố tăng cường mở các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, đặc biệt là Bộ phận "một cửa" cấp huyện, cấp xã để nâng cao tính chuyên nghiệp trong tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC. *(Thanh Trì, Cầu Giấy, Phú Xuyên, Ba Vì, Thường Tín)*

33. Đề nghị UBND Thành phố nghiên cứu đổi mới cơ cấu và phương thức đầu tư của ngân sách nhà nước cho hoạt động sự nghiệp; tăng cường đầu tư hàng năm cho xây dựng cơ sở vật chất các hoạt động sự nghiệp công và thực hiện cơ cấu lại chi thường xuyên ngân sách nhà nước đối với các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo hướng chuyển từ giao dự toán ngân sách cho các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập như hiện nay sang thực hiện phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không phân biệt cơ sở công lập, ngoài công lập nhằm tạo cạnh tranh lành mạnh, đảm bảo cho các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập phát triển bình đẳng và giảm thiểu giá thành xã hội. *(Hoàng Mai)*.

34. Đề nghị Thành phố đổi mới công tác tuyển dụng để có được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng được nền hành chính hiện nay *(Chương Mỹ)*

35. Đề nghị Thành phố nghiên cứu quy định riêng cho phòng Nội vụ cấp huyện được biên chế 01 công chức làm công tác cải cách hành chính để tạo nên tính chuyên nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ *(Phúc Thọ)*

36. Đề nghị Thành phố tổng hợp báo cáo Thành ủy điều chỉnh về tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức cuối năm cho phù hợp thống nhất với quy định pháp luật, vì giữa Nghị định 56/2015/NĐ-CP của Chính Phủ và Quyết định 3814-QĐ/TU của Thành ủy chưa thống nhất (theo quy định tại NĐ số:

56/2015/NĐ-CP thì HTXS có ít nhất một chương trình khoa học đề án, đề tài hoặc sáng kiến được áp dụng hiệu quả trong hoạt động công vụ của cơ quan, tổ chức đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận trong khi Quyết định 3814-QĐ/TU thì quy định HTXS nhiệm vụ đạt từ 90 điểm trở lên. **(Bắc Từ Liêm)**

37. Đề nghị Thành phố sớm điều chỉnh địa giới hành chính, phân loại xã, thôn để các xã, thị trấn điều chỉnh số lượng Phó chủ tịch, phó thôn và mức phụ cấp phù hợp với thực tế địa phương **(Phú Xuyên)**

38. Đề nghị Thành phố tiếp tục quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, công nghệ thông tin cho quận như: phần mềm giải quyết khiếu nại tố cáo; cơ sở dữ liệu về đô thị, cơ sở dữ liệu về quản lý di tích danh thắng,... Đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giải quyết các thủ tục hành chính liên thông (như liên thông từ thành phố đến quận trong lĩnh vực lao động thương binh và xã hội,...) **(Hai Bà Trưng)**

39. Hiện nay UBND huyện Đông Anh đang thực hiện văn bản số 609/SNV-TCBC ngày 27/3/2019 về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Nghị định số 113/2018-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ. Đề nghị Sở nội vụ quan tâm, xem xét để các hồ sơ sớm được giải quyết theo đúng thời gian, tránh chậm muộn. (Đông Anh). 40. Đề nghị Thành phố cho tổ chức 1 - 2 lớp bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ: Chủ tịch, phó chủ tịch xã, Trưởng, phó phòng của Thành phố đặc biệt là các lớp có cán bộ cấp Trưởng tập trung tại Huyện đảm bảo không ảnh hưởng chung đến công tác ở địa phương, phù hợp với yêu cầu nhiệm và tình hình thực tiễn tại đơn vị **(Hoài Đức)**

41. Đề nghị Thành phố xem xét có chủ trương cho UBND huyện Hoài Đức thành lập mới một số Tổ dân phố (huyện đã có văn bản báo cáo xin chủ trương của Thành phố (qua Sở Nội vụ) đến nay chưa có văn bản trả lời **(Hoài Đức)**

42. Đề nghị Thành phố xem xét, phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức để kịp thời bổ sung biên chế viên chức cho Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng, Trung tâm phát triển quỹ đất Quận theo nhu cầu thực tế hiện nay **(Nam Từ Liêm)**.

43. Đề nghị Thành phố cho phép Trung tâm phát triển quỹ đất Quận thực hiện chế độ tự chủ về tài chính để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn **(Nam Từ Liêm)**

44. Đề nghị bổ sung thêm danh mục vị trí việc làm cho Thanh tra huyện: vị trí Thanh tra xây dựng để có chuyên môn giải quyết các chương trình thanh tra kinh tế xã hội: quản lý đất đai, công tác thu chi tài chính đối với các xã, thị trấn; các trường học; xây dựng cơ bản đối với các đơn vị trên địa bàn huyện **(Ba Vì)**.

45. Đề nghị UBND thành phố phê duyệt Đề án vị trí việc làm đối với 02 đơn vị Trung tâm phát triển quỹ đất, Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị và giao thêm chỉ tiêu biên chế cho Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTX để thực hiện chức năng dạy nghề phổ thông theo đúng quy định **(Ba Vì)**

46. Đề nghị Thành phố chỉ đạo Trung tâm mua sắm tập trung của Thành phố thực hiện mua sắm tài sản trang bị cho huyện đảm bảo tính kịp thời **(Thường Tín)**

47. Đề nghị Thành phố quan tâm và có cơ chế đặc thù giao tăng số lượng biên chế viên chức (lĩnh vực giáo dục) vì địa bàn huyện rộng, dân số đông, địa hình phức tạp, một số trường học có nhiều điểm trường nên việc bố trí giáo viên giảng dạy gặp nhiều khó khăn. **(Chương Mỹ)**